

Số: 13 /BC-BTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng kết công tác tư pháp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2019

Năm 2018, thế giới chứng kiến những căng thẳng trong quan hệ giữa các nước lớn khi cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh thương mại ngày càng quyết liệt, tác động không nhỏ tới việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế sâu, rộng. Ở trong nước, tình hình thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội và sản xuất, đời sống nhân dân, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực, đạt và vượt mức tất cả 12 chỉ tiêu kế hoạch. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước và tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,08%, mức cao nhất trong vòng 10 năm qua.

Đối với công tác Tư pháp, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, toàn Ngành đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ, nhất là 08 nhóm nhiệm vụ trọng tâm được nêu tại Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 02/01/2018 của Bộ Tư pháp và 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu theo Chương trình hành động của Ngành Tư pháp¹ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo từ các Bộ, ngành và địa phương, Báo cáo này tập trung đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, làm rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, đề từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của công tác tư pháp năm 2019.

Phần thứ nhất:

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2018

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả

Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục đổi mới, theo đúng phương châm **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”** của Chính phủ, bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các địa phương; chú trọng việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, bảo

¹ Với 86 nhiệm vụ của Bộ Tư pháp, 32 nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tạo động lực, điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, đổi mới sáng tạo. Kết quả công tác chỉ đạo điều hành và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ ngày càng nặng nề của Bộ, Ngành đã phần nào thể hiện thông qua kết quả tín nhiệm cao của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các tỉnh/thành phố đối với Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Giám đốc các Sở Tư pháp.

- Bộ, ngành Tư pháp đã ban hành kịp thời các chương trình, kế hoạch hành động để thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, qua đó cụ thể hoá các nhiệm vụ thực hiện trước mắt và lâu dài, gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, như: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; Chương trình hành động của Bộ Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP; Kế hoạch hành động của Bộ Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ... Các Bộ, ngành, địa phương cũng đã sớm ban hành các chương trình, kế hoạch công tác để cụ thể hoá các nhiệm vụ về công tác tư pháp, pháp chế năm 2018.

- Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch công tác, toàn Ngành đã chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện; thường xuyên rà soát, theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ. Ngay từ đầu năm, Bộ Tư pháp đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng hiệu quả Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo Bộ giao, được Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao. Bộ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện **223** nhiệm vụ, đã hoàn thành **190** nhiệm vụ, đang tiếp tục thực hiện **33** nhiệm vụ, không có nhiệm vụ quá hạn. Bộ, Tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và các cơ quan tư pháp địa phương đã tích cực, chủ động tham mưu cho Chính phủ, các Bộ, ngành và chính quyền địa phương giải quyết nhiều vấn đề pháp lý phát sinh trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc trả lời các kiến nghị liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành, công tác chuyên môn được ngành Tư pháp chú trọng. Tại Bộ Tư pháp, các đơn vị đã tham mưu trả lời **122** kiến nghị của cử tri gửi tới các kỳ họp Quốc hội trong năm 2018; tiếp nhận, trả lời hơn **500** kiến nghị, đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ của các Bộ, ngành, địa phương; **36** phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi qua Hệ thống theo dõi của Văn phòng Chính phủ. Tại Phiên họp thứ 22 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tháng 3/2018), Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã trực tiếp trả lời chất vấn của các đại biểu Quốc hội². Sau chất vấn, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để kịp thời chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực công tác xây dựng, phổ biến và tổ chức thi hành pháp luật.

² Đối với các nhóm vấn đề về giải pháp đảm bảo tiến độ, chất lượng và hồ sơ thủ tục các đề án, dự án Chính phủ trình Quốc hội; giải pháp khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

- Bộ Tư pháp đã cùng với các Bộ, ngành, địa phương tăng cường phối hợp triển khai các nhiệm vụ, qua đó kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp công tác. Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị công tác pháp chế Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhà nước; tổ chức các buổi làm việc, ký kết các Chương trình, Quy chế phối hợp công tác với nhiều bộ, ngành, cơ quan đoàn thể³ để thúc đẩy và tháo gỡ khó khăn cho công tác tư pháp ở cả trung ương và địa phương; tổ chức làm việc với cấp uỷ, chính quyền nhiều địa phương⁴ về công tác tư pháp, thi hành án dân sự (THADS).

- Công tác cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Theo công bố của Bộ Nội vụ (tháng 5/2018), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ Tư pháp tăng 02 bậc, xếp thứ 4/19 Bộ, ngành được đánh giá, trong đó Bộ Tư pháp được đánh giá là một trong các Bộ thực hiện tốt nhất việc chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính. Cùng với đó, Bộ Tư pháp đã quyết liệt chỉ đạo việc rà soát, đề xuất cắt giảm nhiều điều kiện kinh doanh; phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, với tổng số 49/94 điều kiện kinh doanh dự kiến sẽ được cắt giảm, đạt tỷ lệ 52,13%⁵. Số lượng các cuộc họp của Bộ Tư pháp giảm mạnh, có nhiều đổi mới trong công tác chuẩn bị, điều hành nên đạt hiệu quả cao. Bộ Tư pháp cũng đã rà soát tổng thể và ban hành Kế hoạch chung, thống nhất tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn và các đoàn thanh tra, kiểm tra, khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2018 (Quyết định số 797/QĐ-BTP ngày 20/4/2018), trong đó, đã cắt giảm và lồng ghép nhiều hoạt động dự kiến được tổ chức trong năm 2018⁶. Tình trạng chồng chéo trong yêu cầu Bộ, ngành, địa phương báo cáo công tác cũng dần được khắc phục.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác được Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục coi là giải pháp quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ. Bộ đã chỉ đạo tích cực sử dụng các phần mềm trong các lĩnh vực công tác tư pháp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đặc biệt việc triển khai ứng dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung trong toàn quốc, Phần mềm theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số... mang lại hiệu quả cao. Theo công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông (tháng 7/2018), Bộ Tư pháp xếp thứ 3/19 Bộ, ngành về mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử (ICT Index). Đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản

³ Như với Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

⁴ Như Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Hưng Yên, Kiên Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Kon Tum, Gia Lai, Quảng Nam, Hải Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nam, Tây Ninh...

⁵ Thực thi phương án, đến nay, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành Nghị định cắt giảm 08 điều kiện và đang trình đề cắt giảm 09 điều kiện khác.

⁶ Các đơn vị đề xuất tổ chức 691 hoạt động; sau khi rà soát, Bộ đã lồng ghép, giảm xuống còn 458 hoạt động.

pháp luật, năm 2018 các Bộ, ngành, địa phương đã cập nhật được 2.480 văn bản⁷, nâng tổng số lượng văn bản đã được cập nhật là 99.150 văn bản.

- Thông tin, truyền thông về hoạt động của Bộ, Ngành tiếp tục được chú trọng, có nhiều đổi mới. Bộ Tư pháp, Hệ thống THADS và các cơ quan tư pháp địa phương đã chủ động tổ chức hoặc tham gia tích cực các cuộc họp báo, ban hành Thông cáo báo chí và cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động của Ngành, về các vấn đề được dư luận quan tâm hoặc để kịp thời định hướng dư luận⁸. Bên cạnh đó, Bộ, ngành Tư pháp cũng chủ động nắm bắt thông tin qua phản ánh của các cá nhân, tổ chức và thông tin phản ánh từ báo chí để có hướng giải quyết kịp thời.

- Về công tác THADS, Bộ Tư pháp chỉ đạo Hệ thống THADS chú trọng phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương; tăng cường việc kiểm tra trong công tác THADS; định kỳ hoặc đột xuất họp giao ban trực tuyến trong Hệ thống THADS để kịp thời nắm bắt khó khăn, hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ. Các Cục THADS cũng đã thường xuyên hướng dẫn chuyên môn đối với các Chi cục; chủ động tổ chức họp liên ngành với các sở, ban, ngành địa phương hoặc kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ban Chỉ đạo THADS tìm hướng giải quyết đối với các vụ việc phức tạp. Toàn Hệ thống đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, hỗ trợ trực tuyến thi hành án, thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến, tăng cường sử dụng chữ ký số và văn bản điện tử, thường xuyên cập nhật đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành lên Trang Thông tin điện tử.

2. Tồn tại, hạn chế

Trong một số trường hợp, việc hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn, trả lời kiến nghị của các địa phương còn chậm, ảnh hưởng đến việc giải quyết công việc tại địa phương; có trường hợp nội dung hướng dẫn, trả lời còn chung chung, chưa giúp tháo gỡ được vướng mắc trong thực tiễn.

II. CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1.1. Kết quả

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, các Bộ, ngành đã tích cực hoàn thiện, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 16 dự án luật, 01 pháp lệnh và nhiều nghị quyết; cho ý kiến đối với 06 dự án luật khác (riêng Bộ Tư pháp đã giúp Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018).

⁷ Trong đó, địa phương cập nhật được 2.083 văn bản; Bộ, ngành cập nhật được 397 văn bản.

⁸ Như: Tại Bộ Tư pháp, đã ban hành 20 Thông cáo báo chí về hoạt động của Bộ, Ngành và về VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hàng tháng.

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là Kết luận chất vấn Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Phiên họp thứ 22, Quốc hội khoá XIV, Bộ Tư pháp đã kịp thời có những văn bản hướng dẫn các Bộ, ngành nghiêm túc, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL. Hầu hết các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đều đã trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật ở cơ quan mình. Tổ chức pháp chế các cơ quan đã tích cực, chủ động tham gia sâu hơn trong việc lập đề nghị xây dựng, soạn thảo các dự án. Chất lượng hồ sơ các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết có nhiều cải thiện; số lượng các dự án do Chính phủ trình được Quốc hội thông qua với tỷ lệ cao (hầu hết các dự án luật đều được thông qua với tỷ lệ trên 80%). Nội dung của các luật, pháp lệnh, nghị quyết đã kịp thời thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, bám sát công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, triển khai thực hiện Hiến pháp, tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước, yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế như: Luật Quốc phòng; Luật Công an nhân dân; Luật Tố cáo; Luật Cảnh sát biển Việt Nam; Luật Cảnh tranh; Luật Chăn nuôi; Luật Trồng trọt; Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

- Các Bộ, ngành đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 989 văn bản (giảm 116 văn bản so với năm 2017); các địa phương ban hành 3.345 văn bản cấp tỉnh (giảm 18,6%), 1.622 văn bản cấp huyện (giảm 56%) và 8.168 văn bản cấp xã (giảm 55,7% so với năm 2017). Như vậy, so với năm 2017 và những năm trước đó, số lượng VBQPPL được ban hành tiếp tục giảm, nhất là ở địa phương, phù hợp với quy định của Luật ban hành VBQPPL năm 2015 và chủ trương tập trung cao vào công tác tổ chức thi hành pháp luật. Chất lượng VBQPPL do các cơ quan ở Trung ương và địa phương ban hành được bảo đảm hơn.

- Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ trong việc đôn đốc các Bộ, ngành xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết; có báo cáo tình hình tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng. Năm 2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành được 139 văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, số lượng văn bản “nợ đọng” còn 04 văn bản, giảm 06 văn bản so với năm 2017.

- Bên cạnh đó, nhằm khắc phục những vướng mắc trong triển khai Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tư pháp đang cùng với các Bộ, ngành tham mưu giúp Chính phủ xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật này để trình Quốc hội trong năm 2019.

b) Công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Chất lượng công tác thẩm định VBQPPL tiếp tục được nâng cao, chú trọng hơn vào tính khả thi của văn bản; kiên quyết loại bỏ các quy định về tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách, phụ cấp đặc thù, thẩm quyền của các cơ quan

trong quản lý ngành, lĩnh vực, tập trung vào điều kiện, thủ tục cấp phép, thủ tục hành chính... trong các dự thảo VBQPPL không phải là các văn bản chuyên ngành. Báo cáo thẩm định đã thể hiện rõ quan điểm về điều kiện trình các dự án, dự thảo VBQPPL, được các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền đánh giá cao. Bộ Tư pháp đã thẩm định **45** đề nghị, các Sở Tư pháp thẩm định **382** đề nghị xây dựng VBQPPL. Toàn Ngành đã thẩm định **7.067** dự thảo VBQPPL (giảm 29,2% so với năm 2017), trong đó Bộ Tư pháp đã thẩm định **255** dự thảo; Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ thẩm định **731** dự thảo và **6.081** dự thảo do các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thẩm định.

- *Công tác kiểm tra VBQPPL*: Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, năm 2018 đã kiểm tra theo thẩm quyền **18.262** VBQPPL (giảm 36% so với năm 2017); qua kiểm tra, bước đầu phát hiện 389 văn bản có dấu hiệu trái nội dung, thẩm quyền (chiếm tỉ lệ 2,13% trên tổng số văn bản được kiểm tra). Riêng tại Bộ Tư pháp, đã kiểm tra theo thẩm quyền **5.557** văn bản (gồm 648 văn bản của các Bộ, cơ quan ngang bộ; 4.909 văn bản của địa phương); qua kiểm tra đã phát hiện, ra Kết luận kiểm tra, kiến nghị xử lý đối với **84** văn bản (gồm 27 văn bản của các Bộ, 57 văn bản của địa phương), trong đó có 58 văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền và 26 văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL; đến nay, có **52/84** văn bản đã được cơ quan ban hành xử lý. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 23/8/2018 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung kiểm tra việc xử lý văn bản trái pháp luật; tổ chức đánh giá, thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do văn bản trái pháp luật gây ra và xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức có liên quan đến việc ban hành văn bản trái pháp luật. Qua đó, các Bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc, kịp thời hơn trong việc xử lý VBQPPL trái pháp luật.

Công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo chuyên đề, địa bàn và theo các nguồn thông tin được chú trọng, phản ứng chính sách kịp thời. Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ thực hiện kiểm tra chuyên đề về Tài nguyên và Môi trường; kiểm tra liên ngành tại 07 địa phương (*Bắc Ninh, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Nghệ An và Hà Tĩnh*).

- *Công tác rà soát VBQPPL và pháp điển hệ thống QPPL*: Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hệ thống hóa VBQPPL thống nhất trong cả nước kỳ 2014-2018, Bộ Tư pháp đã tổ chức kịp thời các Hội nghị triển khai Kế hoạch, kết hợp với việc tập huấn rà soát, hệ thống hóa văn bản cho cán bộ tư pháp, pháp chế. Các Bộ, ngành, địa phương đều đã ban hành Kế hoạch thực hiện tại cơ quan, địa phương mình và đang tích cực thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2014-2018 để tiến hành công bố kết quả vào đầu năm 2019 theo quy định. Toàn Ngành đã tập trung rà soát được **44.541** VBQPPL, qua đó kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) đối với **7.293** văn bản; nhiều Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức rà soát được số lượng văn bản lớn (*như: Bộ Quốc phòng - 2.379 văn bản, Bộ Y tế - 1.223 văn bản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - 950 văn bản, Bộ Khoa học và Công nghệ - 741 văn bản; thành phố Hồ Chí Minh*

- 3.037 văn bản, Nghệ An - 2.423 văn bản, Thái Nguyên - 2.233 văn bản...). Bên cạnh đó, các Bộ, ngành và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp đã thực hiện pháp điển và thẩm định các đề mục; trình Chính phủ thông qua kết quả pháp điển các chủ đề: Tương trợ tư pháp; Văn thư, lưu trữ; Dân tộc; Môi trường; Ngân hàng; Tiền tệ và 51 Đề mục của Bộ pháp điển.

Thông qua công tác rà soát VBQPPL, pháp điển hệ thống QPPL, Bộ Tư pháp đã cùng các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản bãi bỏ một số VBQPPL trong các lĩnh vực quốc phòng, tài chính, ngân hàng⁹; Các Bộ, ngành cũng đã ban hành các Thông tư bãi bỏ một số VBQPPL; ban hành các Quyết định công bố Danh mục VBQPPL hết hiệu lực thi hành, giúp “làm sạch”, minh bạch hoá hệ thống pháp luật.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Tình trạng xin lùi, rút dự án ra khỏi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh vẫn còn¹⁰. Một số dự án chưa được nghiên cứu, chuẩn bị thấu đáo nên còn nhiều ý kiến khác nhau. Số lượng văn bản “nợ đọng” quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh đã có hiệu lực vẫn còn (hiện nay, còn nợ 04 văn bản¹¹). Vẫn còn một số VBQPPL ban hành sai về thẩm quyền, nội dung. Tính khả thi của một số quy định pháp luật còn thấp; việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật còn là thách thức lớn.

- Việc tự kiểm tra VBQPPL ở nhiều Bộ, ngành, địa phương còn chưa hiệu quả. Vẫn còn cơ quan ban hành văn bản chưa thực hiện nghiêm việc gửi VBQPPL đến Bộ Tư pháp để phục vụ việc kiểm tra theo thẩm quyền. Vẫn còn khá nhiều văn bản trái pháp luật chưa được xử lý kịp thời; việc xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản trái pháp luật và khắc phục hậu quả do văn bản trái pháp luật gây ra còn gặp khó khăn, nhiều trường hợp chưa thực hiện được. Việc khai thác, sử dụng Bộ pháp điển còn mức độ.

2. Công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính

2.1. Kết quả

Công tác THADS, theo dõi thi hành án hành chính tiếp tục nhận được sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành và cấp uỷ, chính quyền các cấp. Bộ Tư pháp và các địa phương đã ưu tiên tập trung giải quyết các vụ việc thi hành án trọng điểm, vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp và các vụ việc thi hành án liên quan đến tín dụng ngân hàng, thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế. Qua đó, kết quả công tác THADS, thi hành án hành chính năm 2018 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể như sau:

⁹ Nghị định số 129/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 bãi bỏ một số văn bản QPPL trong lĩnh vực quốc phòng; Quyết định số 31/2018/QĐ-TTg ngày 03/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản QPPL trong lĩnh vực quốc phòng; tài chính; ngân hàng.

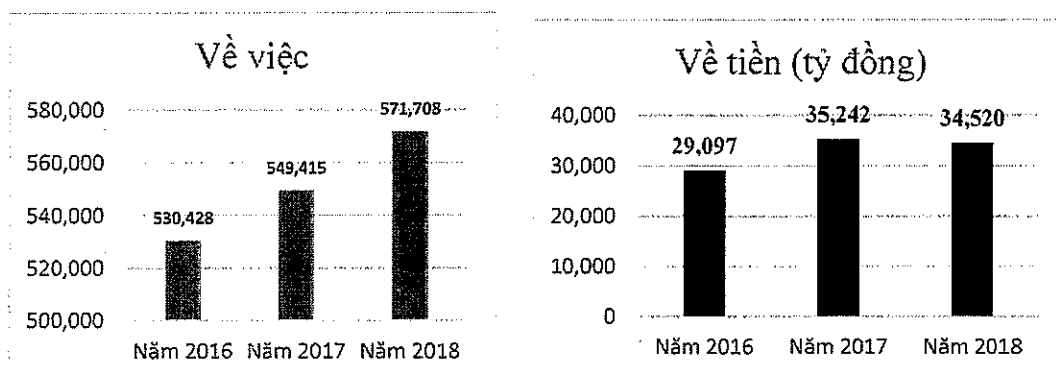
¹⁰ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công.

¹¹ Thuộc trách nhiệm xây dựng của các Bộ: Nội vụ (01 văn bản); Tài chính (02); Kế hoạch và Đầu tư (01).

- Kết quả THADS về việc và về tiền năm 2018 (từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018):

+ *Về việc*: Tổng số thụ lý là **927.249** việc (tăng 5,04% so với năm 2017), trong đó, số có điều kiện thi hành là **711.990** việc. Trong số có điều kiện thi hành, đã thi hành xong **571.708** việc, đạt tỉ lệ 80,30%, (tỷ lệ thi hành xong tăng 1,05% so với năm 2017). Một số địa phương đạt kết quả cao về việc là: Lạng Sơn (94,63%), Nghệ An (90,69%), Quảng Nam (90,01%), Thái Bình (90,05%), Thái Nguyên (89,94%), Hưng Yên (89,34%), Đồng Tháp (88,36%)...

+ *Về tiền*: Tổng số thụ lý là **196.001** tỷ 260 triệu 948 nghìn đồng, trong đó, số có điều kiện thi hành là **90.009** tỷ 568 triệu 485 nghìn đồng. Trong số có điều kiện thi hành đã thi hành xong **34.520** tỷ 915 triệu 718 nghìn đồng, đạt tỷ lệ 38,35%, (tỷ lệ thi hành xong tăng 0,05% so với năm 2017). Một số địa phương đạt kết quả cao về tiền là: Quảng Nam (69,93%), Khánh Hòa (65,45%), Đồng Tháp (49,00%), Vĩnh Long (48,42%), Đắk Lắk (47,32%), Kiên Giang (46,62%).



Biểu đồ số 01: Kết quả thi hành án dân sự từ 2016-2018

Đối với việc thi hành án nhằm thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Bộ Tư pháp đã phối hợp tham mưu¹² cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tiến hành các đoàn kiểm tra, giám sát tại một số Ban cán sự Đảng Bộ, cơ quan và các tỉnh ủy, thành ủy.

- Công tác theo dõi thi hành án hành chính tiếp tục đi vào nề nếp. Năm 2018, Bộ Tư pháp đã tích cực phối hợp với Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trong việc giám sát chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND, Chủ tịch UBND¹³. Trong năm, các cơ quan THADS đã thực hiện theo dõi **363** bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính¹⁴.

- Bộ Tư pháp và Hệ thống THADS đã quan tâm rà soát, bổ sung, phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo các cơ quan THADS; phối hợp chặt chẽ với cấp

¹² Hàng tháng, Bộ Tư pháp có báo cáo cụ thể về lĩnh vực này để phối hợp với Ban Nội chính Trung ương tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo.

¹³Theo đó, đối tượng chịu sự giám sát là các cơ quan ở Trung ương (Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp) và 10 địa phương (Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Nội, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Phúc).

¹⁴ Trong đó số từ kỳ trước chuyển sang là 85 việc; năm 2018 là 278 việc.

ủy, chính quyền các địa phương tập trung kiện toàn đội ngũ công chức lãnh đạo các cơ quan THADS. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác THADS nhìn chung được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Số lượng án tồn đọng chuyên kỳ sau có giảm nhưng vẫn chưa đạt kết quả như mong muốn. Một số địa phương kết quả thi hành án đạt thấp, đặc biệt là về giá trị¹⁵.

- Kết quả thi hành án để thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài còn khiêm tốn. Còn khá nhiều vụ việc bán đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản cho người trúng đấu giá nên chưa thể xử lý dứt điểm được vụ việc (năm 2018, toàn quốc còn 667 vụ việc đấu giá thành với số tiền trên 1.424 tỷ đồng nhưng chưa giao được tài sản cho người trúng đấu giá).

- Còn xảy ra sai sót, vi phạm của Chấp hành viên, công chức thi hành án trong thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án. Số công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật tuy giảm đáng kể so với năm 2017 nhưng vẫn còn khá nhiều, trong đó vi phạm về chuyên môn nghiệp vụ là 17 trường hợp.

- Qua theo dõi, cả nước còn 224 vụ việc thi hành án hành chính chưa được thi hành xong, trong đó nhiều nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai.

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; báo chí, xuất bản

3.1. Kết quả

a) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở

- Quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hoà giải ở cơ sở có chuyên biến tích cực. Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Quyết định¹⁶, ban hành theo thẩm quyền 01 Thông tư¹⁷; đã bàn giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hương ước, quy ước sang Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đã rà soát, kiện toàn Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp; kiện toàn Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật, các Tổ hoà giải và Hoà giải viên ở cơ sở theo hướng chú trọng chất lượng, tăng cường số lượng ở địa phương. Theo đó, đến cuối năm 2018, cả nước có **1.947** Báo cáo viên pháp luật cấp Trung ương (tăng 64 người so với năm 2017), **7.143** Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (tăng 530 người), **17.766** Báo cáo viên pháp luật cấp huyện (tăng 972 người) và **146.003** Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã (tăng 4.104 người); có **102.350** Tổ hoà giải với **633.233** Hoà giải viên.

- Tiếp tục triển khai Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 và các Kế hoạch, Đề án PBGDPL khác, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã chú trọng nghiên cứu, đổi mới hình thức PBGDPL,

¹⁵ Như: Phú Yên, Hà Nội, Quảng Ngãi.

¹⁶ Quyết định số 65/QĐ-TTg ngày 12/01/2018 ban hành Đề án tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn; Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

¹⁷ Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/03/2018 quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

đẩy mạnh xã hội hoá, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL (như: Bộ Tư pháp, Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp thực hiện Chương trình truyền hình “Sức nước ngàn năm” theo phương thức xã hội hoá, tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp thu hút sự quan tâm tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thường xuyên lồng ghép PBGDPL tại các hội nghị, hội thảo của ngành. Tiền Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai... tổ chức nhiều cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật; thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Cổng Thông tin điện tử PBGDPL trên mạng xã hội).

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2018 gắn với tổng kết 05 triển khai Ngày Pháp luật đã được tổ chức rộng khắp trong cả nước, với nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả ở các Bộ, ngành, địa phương (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công thương; các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Thanh Hóa, Bình Dương, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Thái Bình, Bình Phước, Cà Mau, Đồng Nai, Bắc Kạn, Vĩnh Phúc...). Đặc biệt, Lễ hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2018 được tổ chức thành công với sự tham dự, chủ trì của đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

Trong năm, các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức **1.144.113** cuộc tuyên truyền pháp luật cho hơn **74** triệu lượt người; phát miễn phí hơn **43,6** triệu bản tài liệu tuyên truyền, PBGDPL.

- Công tác hoà giải ở cơ sở đã tiếp tục phát huy vai trò trong việc xây dựng sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, giảm thiểu tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội. Năm 2018, cả nước tiếp nhận **143.060** vụ việc hoà giải (giảm 11,3% so với năm 2017), trung bình tỷ lệ hoà giải thành đạt **80,79%** (tăng 1,18% so với năm 2017, tăng 1,8% so với năm 2016). Một số địa phương có tỷ lệ hoà giải thành rất cao (như Long An – 92%, Khánh Hoà – 91,3%, Bến Tre – 91%, Hậu Giang – 91%, An Giang – 89,6%, Tiền Giang – 89,6%, Hà Nam – 89%). Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từng bước được các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm triển khai thực hiện, gắn kết với công tác xây dựng nông thôn mới. Cả nước đã có **6.548/10.678** đơn vị cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt 61%). Một số địa phương có tỷ lệ cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cao như: Hà Tĩnh, Bình Dương, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long.

b) Công tác báo chí, xuất bản

- Các ấn phẩm, tin bài của Báo Pháp luật Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền kịp thời về các sự kiện chính trị - pháp lý của đất nước, các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp, cũng như góp phần quan trọng quảng bá hình ảnh của Bộ, Ngành. Báo Pháp luật Việt Nam duy trì **11** ấn phẩm với nhiều nội dung, hình thức đa dạng như tổ chức giao lưu trực tuyến trên Báo Pháp luật Việt Nam điện tử, thực hiện kênh truyền hình pháp luật...; Tạp chí Dân chủ và Pháp luật đã biên tập, xuất bản và phát hành **12** số Tạp chí định kỳ, **18** số Tạp chí chuyên đề hàng tháng và chuyên đề chuyên sâu với nhiều nội dung phong phú... Nhà xuất bản Tư pháp đã

xuất bản 171 đầu sách. Nhìn chung, các xuất bản phẩm bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm chất lượng về nội dung, hình thức, phục vụ tốt yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác thông tin về các hoạt động của Bộ, Ngành được chú trọng. Bộ Tư pháp, Hệ thống THADS và các cơ quan tư pháp địa phương đã chủ động tổ chức hoặc tham gia tích cực các cuộc họp báo và cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động của Ngành, về các vấn đề được dư luận quan tâm hoặc đề kịp thời định hướng dư luận. Bộ Tư pháp đã phát hành và đăng tải công khai đối với 17 Thông cáo báo chí¹⁸. Bên cạnh đó, Bộ, ngành Tư pháp cũng chủ động nắm bắt thông tin qua phản ánh của các cá nhân, tổ chức và thông tin phản ánh từ báo chí để có hướng giải quyết kịp thời.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Nội dung PBGDPL còn dàn trải, trong khi nguồn lực còn rất hạn chế; chưa chú trọng đúng mức đến giáo dục ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật cũng như trách nhiệm tự học tập tìm hiểu pháp luật của mỗi người dân. Việc triển khai chính sách xã hội hóa công tác PBGDPL, tiếp cận pháp luật chưa đạt nhiều kết quả như mong muốn. Một số chương trình phối hợp trong công tác PBGDPL còn mang tính hình thức, chậm triển khai trong thực tế. Mô hình tủ sách pháp luật bậc lộ nhiều bất cập, hạn chế, nhất là hiệu quả khai thác, sử dụng thấp.

- Năng lực, trình độ, nhất là kiến thức pháp luật, nghiệp vụ của một số hòa giải viên chưa theo kịp yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở, nhất là khi áp dụng quy định về công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án; một số địa phương có tỷ lệ hoà giải thành còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước (như: Bình Phước - 62,8%, Hải Phòng - 67,7%, Lạng Sơn - 69,0%).

- Việc truyền thông để tạo sự đồng thuận trong xây dựng chính sách, pháp luật tuy đã đã được chú trọng, nhưng vẫn chưa phát huy hiệu quả như mong muốn.

4. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

4.1. Kết quả

- Nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đã lập, trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC), Nghị định quy định về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thực thi pháp luật về XLVPHC; ban hành Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL); thực hiện thẩm định 14 dự thảo nghị định về xử phạt VPHC, kịp thời hướng dẫn các cơ quan, tổ chức xử lý các vướng mắc, khó khăn trong áp dụng pháp luật về XLVPHC. Tổ chức pháp chế các Bộ, ngành cũng

¹⁸ Gồm 12 Thông cáo báo chí về VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng; 02 Thông cáo báo chí về các sự kiện, vấn đề trong công tác tư pháp và 03 Thông cáo báo chí định kỳ theo Quý.

đã chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi nhiều quy định trong các văn bản về xử phạt VPHC. Cùng với đó, Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với các Bộ, ngành kiểm tra công tác thi hành pháp luật về XLVPHC tại một số cơ quan¹⁹; thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện công tác xử lý phương tiện giao thông đường bộ VPHC tại Hà Nội, Đà Nẵng, Đồng Nai và tổng hợp tình hình chung trên cả nước, xây dựng Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này. Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương cũng đã chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu; rà soát, kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành pháp luật về XLVPHC và việc chấp hành các quyết định xử phạt²⁰. Ngành Tư pháp, nhất là ở các địa phương, đã tích cực tham gia ý kiến pháp lý đối với nhiều quyết định XLVPHC trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định.

- Bộ Tư pháp đã phối hợp cùng các Bộ, ngành hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 – 2022 (Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018). Cùng với việc triển khai Đề án, các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung vào việc tổ chức TDTHPL trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2018 là điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động – thương binh và xã hội và các lĩnh vực khác²¹. Qua công tác TDTHPL, các Bộ, ngành, địa phương đã có phản ứng chính sách kịp thời hơn, nhất là với những vấn đề trực tiếp liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã tiến hành kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Lai Châu, Hưng Yên; kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành tại Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các tỉnh Nghệ An, Bình Phước, Bến Tre, Trà Vinh.

4.2. Tồn tại, hạn chế

- Luật XLVPHC và một số quy định trong các nghị định về xử phạt VPHC bộc lộ bất cập qua thực tiễn thi hành, nhất là về tính khả thi, gây dư luận trái chiều. Việc ban hành một số quyết định xử lý vi phạm hành chính ở các địa phương còn có sai sót, nhất là về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và áp dụng mức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật thực hiện còn lúng túng, chưa khắc phục được tính hình thức; kết quả theo dõi chưa phản ánh đầy đủ, kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật.

¹⁹ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam; các tỉnh Hải Dương, Thanh Hoá, Bình Phước.

²⁰ Như: Bộ Tư pháp tổ chức thành công 14 Hội nghị tập huấn chuyên sâu về XLVPHC, TDTHPL; Quảng Bình đã tổ chức 04 Hội nghị tập huấn chuyên sâu về XLVPHC, 08 lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác theo dõi THPL, áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn...

²¹ Như: Bộ Xây dựng tập trung theo dõi thi hành pháp luật về cấp phép xây dựng, xử lý VPHC trong lĩnh vực xây dựng; Bộ Công thương tổ chức theo dõi thi hành pháp luật theo 31 chuyên đề trong các lĩnh vực quản lý; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chú trọng lĩnh vực quyền tác giả chương trình máy tính, quản lý và tổ chức hoạt động lễ hội...

5. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước

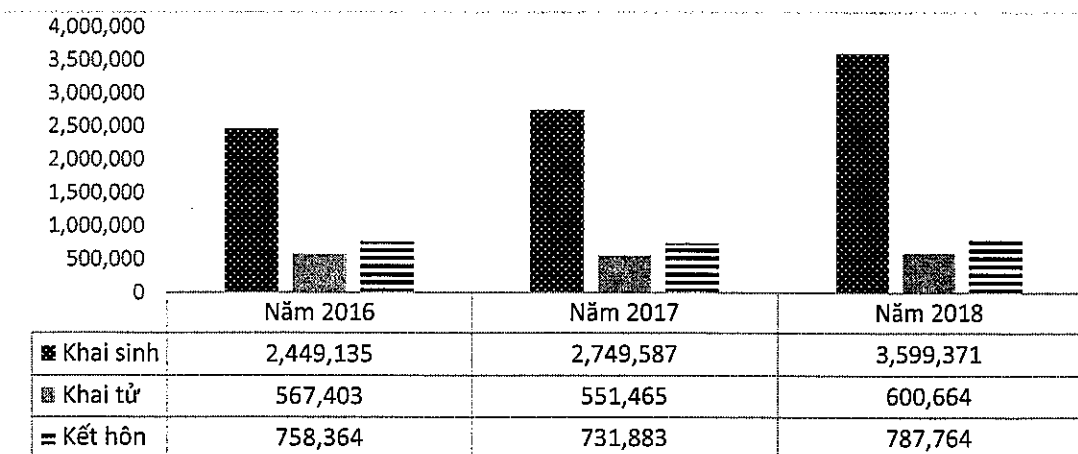
5.1. Kết quả

a) Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

Đây là những lĩnh vực gắn chặt với người dân, doanh nghiệp nên các cơ quan tư pháp ở Trung ương và địa phương quan tâm, chú trọng nâng cao chất lượng và giải quyết được khối lượng lớn nhu cầu trong các lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, trong đó quan tâm thực hiện việc đơn giản hoá thủ tục hành chính, từng bước hiện đại hoá, tạo thuận lợi cho người dân cũng như đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý của cơ quan nhà nước.

- *Công tác hộ tịch*: Bộ Tư pháp và các địa phương tiếp tục chú trọng thực hiện Luật Hộ tịch cùng với tổ chức sơ kết 03 năm thi hành Luật, Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024; mở rộng triển khai Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch tại 38 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Bí thư tại Thông báo số 13-TB/TW ngày 17/8/2016 về việc xác định tuổi của đảng viên. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc đã dần được hình thành tại 33/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với gần 6,5 triệu dữ liệu đăng ký hộ tịch và hơn 9 triệu công dân đã được thu thập, thiết lập thông tin cơ bản về nhân thân, mối quan hệ công dân trên toàn Hệ thống.

Theo số liệu năm 2018, số lượng đăng ký hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn) đều tăng so với năm 2017, đặc biệt là số lượng đăng ký khai sinh lại tăng rất lớn, cụ thể: Cả nước đã thực hiện đăng ký khai sinh mới cho **2.180.030** trường hợp (tăng 11,6% so với năm 2017), đăng ký khai sinh lại cho **1.413.987** trường hợp (tăng tới 78,7%)²² và **5.354** trường hợp khai sinh có yếu tố nước ngoài (tăng 8,2%); khai tử cho tổng số **600.664** trường hợp (tăng 8,9%); đăng ký kết hôn cho tổng số **787.764** cặp (tăng 7,6%), trong đó có **20.849** trường hợp có yếu tố nước ngoài (tăng 11,4%).



Biểu đồ số 02: Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn (bao gồm cả đăng ký mới, đăng ký lại và các trường hợp có yếu tố nước ngoài) từ năm 2016-2018

²² Số lượng đăng ký khai sinh lại tăng cao do các địa phương đẩy mạnh việc rà soát giấy khai sinh phục vụ xây dựng CSDLQG về dân cư.

- *Công tác quốc tịch*: Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 (thay thế Nghị định số 78/2009/NĐ-CP và Nghị định số 97/2014/NĐ-CP). Năm 2018, Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình Chủ tịch nước giải quyết **5.452** hồ sơ về quốc tịch (gồm 5.278 hồ sơ xin thôi, 164 hồ sơ xin nhập, 10 hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam); trả lời tra cứu quốc tịch Việt Nam của **1.875** trường hợp theo đề nghị của các cơ quan. Đặc biệt, triển khai Đề án thực hiện “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các địa phương liên quan hướng dẫn việc lập hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, hồ sơ đăng ký khai sinh, kết hôn cho người Lào di cư tự do và kết hôn không giá thú trong danh sách đã được phê duyệt hiện cư trú tại các tỉnh biên giới với Lào (Chủ tịch nước đã ký Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với **139** trường hợp²³). Các Bộ, ngành, địa phương cũng tiếp tục thực hiện tốt Tiểu Đề án “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” (Tiểu Đề án 2).

- *Công tác chứng thực*: Bộ, ngành Tư pháp đã tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành đề xuất hoàn thiện thể chế về chứng thực trong thời gian tới. Công tác chứng thực tiếp tục giải quyết được khối lượng lớn nhu cầu của người dân. Toàn Ngành đã chứng thực **98.943.307** bản sao; thực hiện được **8.262.775** việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, chữ ký và các văn bản thỏa thuận khác (tương đương năm 2017).

b) Công tác nuôi con nuôi: Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 về tăng cường công tác nuôi con nuôi trong tình hình mới²⁴; hoàn thiện và trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi. Công tác phối hợp giữa Bộ, Ngành Tư pháp với Bộ, Ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trong quản lý nhà nước và giải quyết việc nuôi con nuôi có bước phát triển quan trọng, với sự thống nhất và chỉ đạo chung để giải quyết “điểm nghẽn” trong công tác này. Các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quan tâm thực hiện Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế. Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện tốt vai trò Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của Việt Nam theo Công ước La Hay năm 1993.

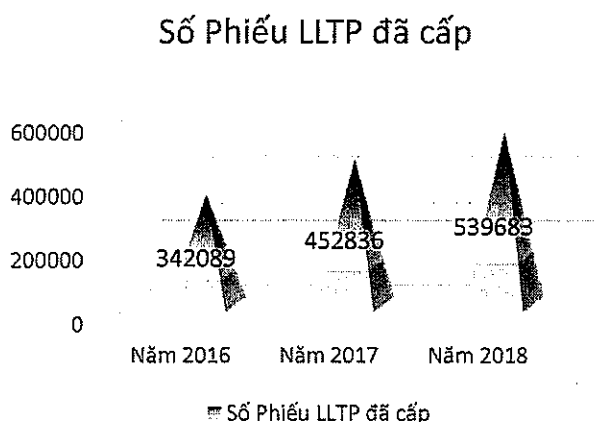
Trong năm, các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết **2.838** trường hợp nuôi con nuôi trong nước (tương đương năm 2017); **430** trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (giảm 80 trường hợp so với năm 2017).

²³ 18 trường hợp cư trú tại tỉnh Quảng Bình, 02 trường hợp tại Hà Tĩnh, 119 trường hợp tại Quảng Trị.

²⁴ Cùng với Bộ Tư pháp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và 62/63 UBND tỉnh/thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị; còn tỉnh Sơn La chưa ban hành Kế hoạch thực hiện.

c) Công tác lý lịch tư pháp:

Bộ, ngành Tư pháp đã tích cực triển khai sơ kết 5 năm thực hiện “Chiến lược phát triển LLTP đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tăng cường xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ



Biểu đồ số 03: Số Phiếu LLTP đã cấp từ năm 2016-2018

liệu Lý lịch tư pháp; đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện phương thức cấp Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến. Toàn Ngành cũng đã thực hiện nhiều giải pháp để giải quyết tình trạng chậm thời hạn cấp Phiếu LLTP, nhất là việc Bộ Tư pháp (Trung tâm LLTP quốc gia) đã phối hợp với Bộ Công an (Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát -C53) ký Quy chế phối hợp số 02 ngày 29/6/2018 về tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP; hoàn thành việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Tại các địa phương, đã cấp được **539.060** phiếu LLTP (tăng gần 19% so với năm 2017), trong đó có 373.209 Phiếu số 1 và 165.851 Phiếu số 2. Bộ Tư pháp đã cấp **5.042** Phiếu LLTP²⁵ của người nước ngoài đã từng cư trú tại Việt Nam và công dân Việt Nam không có nơi thường trú, tạm trú (tăng hơn 5 lần so với năm 2017); tra cứu, xác minh **114.341** trường hợp cho các Sở Tư pháp cấp Phiếu.

d) Công tác đăng ký giao dịch bảo đảm: Cùng với việc tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp đã tiếp tục chú trọng nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật đăng ký tài sản tại Việt Nam. Việc đăng ký và cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được thực hiện ngày càng thuận lợi qua việc đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Năm 2018, các Trung tâm Đăng ký đã giải quyết tổng số **1.027.847** đơn yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm và văn bản thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông, tăng 14,8% so với năm 2017 (trong đó, đơn đăng ký trực tuyến chiếm gần **70%**, tăng 16% so với năm 2017); Bộ Giao thông vận tải giải quyết **325** đơn ĐKGDBĐ bằng tàu bay, tàu biển; các địa phương đã giải quyết **3.048.170** đơn đăng ký, cung cấp thông tin về ĐKGDBĐ bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tàu bay, tàu biển (tăng 6,7% so với năm 2017).

đ) Công tác bồi thường nhà nước: Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động tổ chức triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Bộ đã xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm

²⁵ Trong đó, có 4.756 trường hợp gửi hồ sơ yêu cầu và nhận Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính.

quyền đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật²⁶; phối hợp với một số UBND cấp tỉnh tổ chức các Hội nghị quán triệt, triển khai thi hành Luật. Các hoạt động quản lý về công tác bồi thường nhà nước từng bước được thúc đẩy theo quy định của Luật mới; chú trọng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường; hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường được thực hiện thường xuyên, kịp thời.

Trong năm 2018, các cơ quan có trách nhiệm bồi thường trên cả nước đã thụ lý, giải quyết tổng số 94 vụ việc, trong đó có 32 vụ việc thụ lý mới (giảm 22 vụ việc so với năm 2017), đã giải quyết xong 45/94 vụ việc, đạt tỉ lệ 47,8% (tăng 11,2% so với năm 2017) với tổng số tiền Nhà nước phải bồi thường được xác định trong các quyết định giải quyết bồi thường, bản án, quyết định của Tòa án giải quyết các vụ án dân sự về bồi thường nhà nước có hiệu lực pháp luật là hơn 28,3 tỷ đồng (giảm gần 4,5 tỷ đồng so với năm 2017).

5.2. Tồn tại, hạn chế

- Đăng ký hộ tịch ở một số địa phương vẫn còn xảy ra những sai sót²⁷. Việc triển khai thực hiện Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tiếp tục gặp nhiều khó khăn, hạn chế cả ở Trung ương và địa phương, nhất là về kinh phí, hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai; còn nhiều địa phương chưa triển khai được việc ứng dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung, cản trở đáng kể việc đạt mục tiêu 63 tỉnh, thành phố ứng dụng Phần mềm trước ngày 01/01/2020. Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch ở một số địa phương vẫn chưa bảo đảm chất lượng, chưa hiệu quả. Trong công tác chứng thực, còn có một số sai sót về chứng thực chữ ký, chứng thực chữ ký người dịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Trong công tác nuôi con nuôi, một số địa phương chưa thực hiện đúng trình tự, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi²⁸, chưa quan tâm việc quản lý nhà nước lĩnh vực này. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg về tăng cường công tác nuôi con nuôi trong tình hình mới chưa tạo được những chuyển biến rõ nét. Trên thực tế, vẫn còn nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa được lập danh sách tìm gia đình thay thế.

- Tồn đọng thông tin LLTP ở cả Trung ương và địa phương vẫn còn nhiều; tình trạng lạm dụng quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2 đối với công dân tiếp tục tăng nhanh (cấp 166.473 Phiếu, tăng hơn 37% so với năm 2017). Tiêu cực trong cấp Phiếu LLTP còn xảy ra ở một số địa phương²⁹.

²⁶ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN; 04 Thông tư, Thông tư liên tịch khác.

²⁷ Ví dụ: Giải quyết yêu cầu thay đổi hộ tịch khi không có cơ sở; đăng ký lại khai sinh chưa đảm bảo cơ sở pháp lý, đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nhằm hợp lý hóa hồ sơ giấy tờ cá nhân.....

²⁸ Như: Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi không có giấy khai sinh của trẻ em, việc lấy ý kiến đồng ý của những người liên quan chưa tuân thủ đúng quy định về thời hạn thay đổi ý kiến, chỉ đăng ký nuôi con nuôi đối với một bên vợ/chồng...

²⁹ Như: nhận tiền của công dân để làm nhanh Phiếu LLTP (Thanh Hoá).

- Công tác triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 tại một số Bộ, ngành, địa phương còn chưa chủ động; việc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước chưa kịp thời, nhất là phối hợp với các cơ quan rà soát các vụ việc bồi thường phức tạp, kéo dài để trao đổi, thống nhất biện pháp giải quyết dứt điểm; vẫn còn nhiều vụ việc chưa được giải quyết xong trong năm 2018.

6. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

6.1. Kết quả

a) Công tác hỗ trợ tư pháp

Thế chế trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được hoàn thiện nhằm đơn giản chuẩn hoá quy trình, thủ tục cấp phép, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, xử lý nghiêm các vi phạm. Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan trình Quốc hội thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Luật công chứng trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số luật có quy định liên quan đến quy hoạch; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Nghị định, 01 Quyết định; ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư và phối hợp liên tịch ban hành 01 Quy chế phối hợp³⁰. Bộ, ngành Tư pháp chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường thanh tra, kiểm tra và kịp thời chấn chỉnh sai phạm trong lĩnh vực này.

- Trong lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức buổi làm việc với Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam về tăng cường hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động của luật sư; chỉ đạo các Đoàn luật sư tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư, cùng với việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị này; chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức đại hội; chú trọng hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Sở Tư pháp, Đoàn Luật sư một số địa phương trong việc triển khai Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

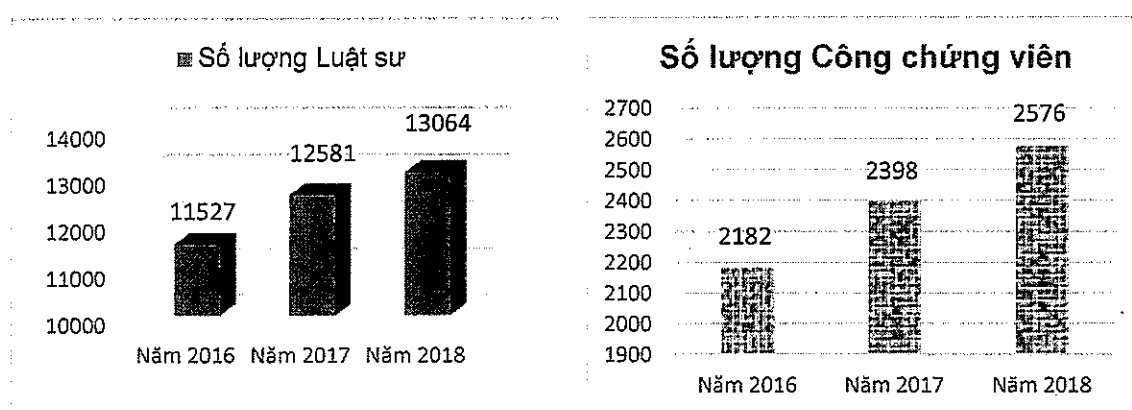
Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **1.007** trường hợp; cấp và gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho **47** trường hợp luật sư nước ngoài. Cả nước hiện có tổng số **13.064** đang hành nghề (tăng 483 luật sư so với năm 2017) và gần 5.000 người đang tập sự hành nghề. Kết quả hoạt động của luật sư tăng nhiều so với năm 2017, với **146.970** vụ việc đã thực hiện xong (tăng tới 77%), nộp thuế gần 145 tỷ đồng, đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng hoạt động tố tụng, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

³⁰ Cụ thể là: Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật trọng tài thương mại; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư; Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp; Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại; Thông tư số 14/2018/TT-BTP ngày 16/10/2018 ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp đầu giá viên.

- Quy chế phối hợp số 992/QCPH-BTP-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC ngày 26/3/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao về công tác giám định tư pháp.

- Về lĩnh vực công chứng, các địa phương đã thực hiện chặt chẽ, thận trọng hơn trong việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng, bảo đảm vai trò dẫn dắt của các Phòng công chứng. Thực hiện Đề án thành lập Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, trên cả nước đã có **52** Hội công chứng viên của các tỉnh, thành phố được thành lập, đi vào hoạt động. Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, địa phương chuẩn bị tốt cho Đại hội thành lập Hiệp hội công chứng viên Việt Nam trong đầu năm 2019.

Bộ đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 127 công chứng viên và miễn nhiệm đối với 27 trường hợp. Hiện cả nước có **2.576** Công chứng viên; các tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng được **6.715.612** hợp đồng, giao dịch, bản dịch và các loại việc khác (tăng tới 25% so với năm 2017), góp phần giảm thiểu tranh chấp, khiếu kiện về các hợp đồng, giao dịch; đóng góp cho ngân sách nhà nước hoặc nộp thuế hơn 350 tỷ đồng.



Biểu đồ số 04: Số lượng Luật sư, Công chứng viên từ năm 2016-2018

- Về lĩnh vực giám định tư pháp, cùng với việc tổ chức triển khai Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực thực hiện tổng kết 5 năm thi hành Luật Giám định tư pháp; trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đang tích cực lập đề nghị sửa đổi Luật nhằm khắc phục khó khăn vướng mắc trong thực tiễn đẩy mạnh xã hội hoá và tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác này. Trong năm 2018, cả nước đã thực hiện được **154.403** vụ việc giám định (giảm 1,56% so với năm 2017), trong đó có 125.136 vụ việc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (chiếm hơn 81% tổng số vụ việc) và nhiều vụ việc giám định trong các vụ án kinh tế, tham nhũng, qua đó góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án nghiêm minh, đúng pháp luật, hạn chế oan sai.

- Về lĩnh vực bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, toàn Ngành tiếp tục đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá viên cho **87** trường hợp, thu hồi **06** trường hợp; cả nước hiện có **680** tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp

(tăng 156 tổ chức so với năm 2017), với **1.200** Đấu giá viên đang hành nghề. Năm 2018, số cuộc bán đấu giá thành là **27.518** cuộc, tăng 9,4% so với năm 2017, nộp ngân sách hơn 568 tỷ đồng. Bộ Tư pháp đã thẩm tra hồ sơ và cấp Giấy phép thành lập cho **02** Trung tâm trọng tài thương mại.

- Về lĩnh vực quản lý thanh lý tài sản, thừa phát lại, Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ quản tài viên cho **141** trường hợp; phê duyệt Đề án thành lập Văn phòng thừa phát lại của 06 địa phương, nâng tổng số các địa phương thực hiện chế định thừa phát lại lên 33 tỉnh, thành phố³¹; bổ nhiệm **72** lượt thừa phát lại.

b) Công tác trợ giúp pháp lý

Bộ Tư pháp đã tiếp tục hoàn thiện thể chế để triển khai có hiệu quả Luật Trợ giúp pháp lý (TGPL)³²; các địa phương đều ban hành và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thi hành Luật; phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức các Hội nghị quán triệt, tập huấn chuyên sâu các nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật. Thực hiện Luật TGPL, đến nay có 29/185 Chi nhánh TGPL được giải thể, 20 Chi nhánh khác dự kiến giải thể; một số Sở Tư pháp thực hiện ký hợp đồng thực hiện TGPL với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật (Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Đồng Tháp); một số Trung tâm TGPL nhà nước đã ký hợp đồng thực hiện TGPL với các luật sư (Tây Ninh, Điện Biên, Cao Bằng, Đồng Tháp, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Quảng Trị, Đắk Lắk), qua đó từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL.

Các Trung tâm TGPL đã tiếp nhận, thực hiện **58.887** vụ việc TGPL cho **51.608** lượt người, trong đó có **18.358** vụ việc tham gia tố tụng (tăng 12,7% so với năm 2017). Kết quả trên cho thấy, số vụ việc tham gia tố tụng tiếp tục tăng, phù hợp với tinh thần của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và Đề án đổi mới công tác TGPL; nhiều địa phương có số vụ việc tham gia tố tụng tăng mạnh so với năm 2017 (như: Bắc Ninh - tăng 373%, Hưng Yên - tăng 200%, Ninh Bình - tăng 262%, Thái Nguyên - tăng 184%, Khánh Hòa - tăng 142%, Tiền Giang - tăng 108%).

c) Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Bộ Tư pháp đã tích cực hoàn thiện, trình Chính phủ dự Nghị định về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Cùng với Bộ Tư pháp, **12** bộ, cơ quan ngang bộ và **63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch năm/chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong đó, riêng Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020 đã xây dựng và phát sóng hàng tuần “Chương trình kinh doanh và pháp luật” trên Đài Truyền hình Việt Nam (**44** số chuyên đề), Đài tiếng nói Việt Nam (**218** số chuyên đề); xây

³¹ Gồm: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Dương, Đồng Nai, Vĩnh Long, An Giang, Tiền Giang, Bình Định, Bắc Ninh, Bình Thuận, Đà Nẵng, Long An, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bình Phước, Cà Mau, Kiên Giang, Khánh Hòa, Hải Dương, Gia Lai, Phú Yên, Sóc Trăng, Bến Tre, Đắk Lắk, Đắk Nông, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Thái Nguyên.

³² Phối hợp ban hành Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/6/2018; ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 09/2018/TT-BTP ngày 21/6/2018, Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018, Thông tư số 13/2018/TT-BTP ngày 26/9/2018.

dựng và phát hành 04 số chuyên đề bản tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, phát hành miễn phí 8.000 bản; tổ chức 51 hội nghị đối thoại; 19 lớp bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp; 13 lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp; 16 hoạt động tăng cường năng lực cho cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;.. thu hút gần 10.000 lượt người, doanh nghiệp tham dự; tiếp tục duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6.2. Tồn tại, hạn chế

- Quan điểm, nhận thức về các nghề tư pháp (luật sư, công chứng, đấu giá tài sản) có chiều hướng bị đồng nhất với các hoạt động kinh doanh thông thường dẫn đến một số hệ quả không tốt như cạnh tranh không lành mạnh, chạy theo lợi nhuận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật... Hoạt động luật sư còn tiềm ẩn phức tạp, vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư ở một số địa phương chưa được phát huy đầy đủ, năng lực tự quản còn hạn chế. Việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thừa phát lại tiếp tục gặp khó khăn. Công tác quản lý, thanh lý tài sản của quản tài viên còn nhiều lúng túng, chưa thực sự phát huy vai trò trong việc tham gia giải quyết các vụ việc phá sản.

- Số lượng vụ án được TGPL so với tổng số vụ án được xét xử có đối tượng được TGPL còn hạn chế; hoạt động truyền thông về TGPL chưa hiệu quả, một số người thuộc diện được TGPL nhưng chưa được cung cấp các dịch vụ pháp luật miễn phí khi có nhu cầu, đặc biệt trong các vụ việc tham gia tố tụng; chất lượng một số vụ việc trợ giúp chưa cao.

- Kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại một số Bộ, ngành và địa phương chưa được như mong muốn. Còn tình trạng một số hoạt động trùng lặp, chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp.

7. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật

7.1. Kết quả

a) Công tác pháp luật quốc tế

- *Công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế*: Bộ Tư pháp đã thẩm định 57 điều ước quốc tế; góp ý 275 điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, bảo đảm chất lượng, tiên độ. Tích cực phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành rà soát pháp luật, tham gia đàm phán Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU, Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản..., qua đó, giúp bảo đảm về các vấn đề pháp lý, giải quyết tranh chấp của các hiệp định. Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Báo cáo trả lời Danh sách các vấn đề được Ủy ban Nhân quyền quan tâm liên quan đến Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR).

- *Công tác tương trợ tư pháp, đàm phán, cấp ý kiến pháp lý*: Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành đàm phán, ký Hiệp định tương trợ tư pháp dân sự

với Hung-ga-ri; nghiên cứu, xây dựng các hiệp định với Ấn Độ, Thái Lan. Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thực thi Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp, ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại; đã tiếp nhận, xử lý **3.149** hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đi nước ngoài (tăng gần 37% so với năm 2017); **1.412** hồ sơ của cơ quan thẩm quyền nước ngoài gửi tới Việt Nam (tăng gần 50%). Bộ đã đàm phán và cấp **22** ý kiến pháp lý; tham gia xử lý các vấn đề pháp lý của 40 dự án đầu tư lớn.

- *Công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế*: Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ “đại diện pháp lý” cho Chính phủ; phối hợp chặt chẽ với các Bộ Kế hoạch – Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương và các địa phương liên quan giải quyết **04** vụ tranh chấp đầu tư; đang phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu hồ sơ để giúp Chính phủ giải quyết đối với **02** vụ việc khác; tham gia với Bộ Công thương xử lý một số vụ tranh chấp thương mại tại WTO và hỗ trợ một số địa phương giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã tổ chức 03 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cho các Bộ, ngành, địa phương. Các tỉnh, thành phố cũng đã từng bước tham gia vào giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan tới đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế của địa phương.

b) Công tác hợp tác quốc tế về pháp luật

- Quản lý nhà nước đối với hợp tác quốc tế về pháp luật tiếp tục được chú trọng, đảm bảo các hoạt động hợp tác phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bộ Tư pháp đã tổ chức kiểm tra tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật tại 03 cơ quan, tổ chức (Ngân hàng Nhà nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Luật gia Việt Nam). Đặc biệt, Bộ đã xây dựng và triển khai “*Đề án về các giải pháp không để nước ngoài tác động, can thiệp vào hoạt động xây dựng pháp luật của Bộ Tư pháp*”; phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an tổ chức tốt Hội nghị tập huấn “*Một số vấn đề cơ bản về bảo đảm an ninh chính trị trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế ở nước ta hiện nay*” cho cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật của tất cả các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kế hoạch đối ngoại năm 2018 được thực hiện tốt, bảo đảm sự chặt chẽ, đúng chủ trương về tiết kiệm, hiệu quả và hướng trọng tâm về cử cán bộ tư pháp địa phương và công chức cấp Phòng, cấp chuyên viên tham gia các cuộc đào tạo ngắn hạn, dự hội nghị, hội thảo quốc tế tại nước ngoài³³. Bên cạnh đó, công tác thông tin đối ngoại được duy trì thực hiện tốt, góp phần giới thiệu hình ảnh về Bộ Tư pháp Việt Nam đến bạn bè quốc tế.

- Hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật được triển khai hiệu quả trên cả ba bình diện song phương, toàn cầu và đa phương khu vực. Đã đàm phán mới **18** văn kiện hợp tác với các đối tác và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hơn 30 Thỏa thuận, Chương trình, Kế hoạch hợp tác đã được ký kết.

³³ Bộ đã tổ chức 31 đoàn ra và đón 63 đoàn/lượt khách quốc tế vào; cử 126 lượt công chức, viên chức đi công tác nước ngoài trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ngành và của đối tác nước ngoài.

Hợp tác song phương trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp phát triển lên tầm cao mới với điểm nhấn thúc đẩy quan hệ hợp tác đối tác đặc biệt với CHDCND Lào, đối tác chiến lược với Nhật Bản, Pháp với một số hoạt động nổi bật như phối hợp với Bộ Tư pháp Lào tổ chức thành công Hội nghị tư pháp các tỉnh có chung đường biên giới Việt – Lào mở rộng lần thứ tư; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Dự án Hải hòa hóa pháp luật hiện hành và Thống nhất áp dụng pháp luật hướng tới năm 2020 (Dự án JICA) và nghiên cứu, đề xuất xây dựng Dự án hợp tác mới với Nhật Bản sau năm 2020; chuẩn bị nội dung và tham gia đoàn tháp tùng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sang thăm và làm việc tại Cộng hòa Pháp, ký/trao một số văn kiện hợp tác về pháp luật và tư pháp với Bộ Tư pháp, Hội đồng công chứng tối cao Pháp và Hội đồng thừa phát lại quốc gia của Pháp... Quan hệ hợp tác song phương về pháp luật cũng tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều quốc gia khác (Campuchia, Nga, Bê-la-rút, Singapore, Australia, Hungary, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ...).

Hợp tác đa phương khu vực và toàn cầu cũng tiếp tục được đẩy mạnh. Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tham gia hợp tác ASEAN đến năm 2025; tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước ASEAN lần thứ 10. Hợp tác với khu vực EU có những bước tiến mạnh mẽ, nhất là việc chính thức triển khai Dự án "Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam" (Dự án EU JULE). Bộ Tư pháp cũng đã tham mưu và thực hiện nhiều hoạt động đẩy mạnh hợp tác pháp luật với các cơ quan của Liên Hợp quốc; tham gia tích cực các hoạt động với tư cách thành viên IDLO.

7.2. Tồn tại, hạn chế

- Việc góp ý, thẩm định một số điều ước, thoả thuận quốc tế, trong một số trường hợp, còn chậm. Hiệu quả phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế ở một số địa phương chưa cao, còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng tranh chấp.

- Một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa thực hiện nghiêm việc cung cấp, chia sẻ thông tin trong hoạt động hợp tác pháp luật, ảnh hưởng tới hiệu quả của cơ sở dữ liệu hợp tác. Hiệu quả thực hiện các Thỏa thuận quốc tế đã ký kết với đối tác vẫn còn thấp, còn có nhiều Thỏa thuận (như với Bộ Tư pháp các nước Cuba, Xrilanca) sau khi ký không được triển khai đúng tiến độ, thậm chí chưa triển khai các hoạt động hợp tác tiếp theo.

8. Công tác xây dựng Ngành, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học pháp lý

8.1. Kết quả

- *Công tác tổ chức bộ máy, biên chế:* Được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu năm 2018, việc kiện toàn tổ chức bộ máy của Ngành được tập trung thực hiện. Tại Bộ Tư pháp, đã hoàn thành việc ban hành mới các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ có điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, phù hợp với Nghị định số 96/2017/NĐ-CP. Đến nay, hầu hết các đơn vị thuộc Bộ đã ban hành mới Quy chế làm việc, bảo đảm với Quy chế làm việc

mới của Bộ và thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực thi nhiệm vụ. Để tạo cơ sở thống nhất trong công tác cán bộ, Bộ đã ban hành mới nhiều văn bản³⁴. Bộ Tư pháp cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; tổ chức lấy ý kiến của Bộ Nội vụ về Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, Thông tư thay thế Quyết định số 07/QĐ-BTP ngày 01/8/2006 về tiêu chuẩn Giám đốc Sở Tư pháp trước khi ban hành để tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương kiện toàn tổ chức bộ máy tư pháp. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, một số địa phương đã ban hành đề án và tổ chức thực hiện việc kiện toàn cơ quan tư pháp theo yêu cầu tại các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 6 khoá XII.

Công tác quản lý biên chế tiếp tục được thực hiện chặt chẽ trên cơ sở số lượng biên chế Bộ Nội vụ phân bổ, đồng thời gắn kết với việc thực hiện tinh giản biên chế theo yêu cầu của Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã thực hiện cắt giảm 182 biên chế so với năm 2017 (tương đương 1,76%) và giảm tổng số 502 biên chế so với năm 2015 (tương đương 5%), đạt chỉ tiêu đề ra.

- *Công tác cán bộ*: Toàn Ngành đã hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch cho giai đoạn 2017-2021 và giai đoạn 2021-2026; việc tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí việc làm được thực hiện đúng quy định. Bộ Tư pháp đã rà soát, luân chuyển, đánh giá biên chế của các đơn vị gắn với yêu cầu vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng đơn vị, bảo đảm sử dụng có hiệu quả số lượng biên chế được giao; tổ chức các đợt thi tuyển dụng công chức, viên chức và thi nâng ngạch theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. So với năm 2017, đội ngũ làm công tác tư pháp trong toàn Ngành giảm ở cấp tỉnh và cấp huyện, tăng nhẹ ở cấp xã, cụ thể: Cả nước hiện có **5.281** người làm việc tại các Sở Tư pháp (*giảm 43 người*); **3.006** người làm việc tại các Phòng Tư pháp (*giảm 239 người*), đạt bình quân 4,23 người/một Phòng Tư pháp; **18.815** cán bộ Tư pháp - Hộ tịch (*tăng 47 người*), trong đó có **64,9%** xã, phường, thị trấn bố trí từ 02 cán bộ trở lên. Các cơ quan tư pháp đã kiện toàn hoặc đề xuất kiện toàn nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó chú trọng về chất lượng của đội ngũ này. Riêng tại Bộ Tư pháp, đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với **24** lãnh đạo cấp Vụ, trong đó có 02 trường hợp được bổ nhiệm thông qua kết quả thi tuyển công khai; bổ nhiệm **10** lãnh đạo cấp Phòng của các đơn vị thuộc Bộ.

Đối với đội ngũ làm công tác pháp chế: Ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có **4.332** người làm công tác pháp chế, trong đó có **1.325** cán bộ pháp chế chuyên trách (*giảm 130 người*); ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có **2.631** người làm công tác pháp chế, trong đó có **613** cán bộ pháp chế chuyên trách (*tăng 20 người*).

³⁴ Như: Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Bộ Tư pháp (Quyết định số 273/QĐ-BTP ngày 12/02/2018); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái của Bộ Tư pháp (Quyết định số 328/QĐ-BTP Ngày 01/3/2018); Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp (Quyết định số 1066/QĐ-BTP ngày 11/5/2018).

- *Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*: Năm 2018, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Bộ, ngành Tư pháp đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Bộ Tư pháp đã tổ chức **39** lớp bồi dưỡng cho hàng ngàn lượt công chức, viên chức với nội dung khá toàn diện bao gồm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng nghề nghiệp; kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ, cấp Phòng; lý luận chính trị; ngoại ngữ và kiến thức an ninh, quốc phòng. Tại các địa phương, cũng đã chủ động tổ chức nhiều lớp tập huấn nghiệp vụ cho công chức, viên chức của Ngành. Việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo đúng Kế hoạch đề ra; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Bộ, Ngành ngày càng được nâng cao và gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nguồn nhân lực, quy hoạch cán bộ quản lý, khung năng lực vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh cán bộ.

- *Công tác đào tạo cán bộ pháp luật, tư pháp*: Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ tiếp tục đổi mới phương thức dạy và học, nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho giảng viên thông qua đẩy mạnh thực hiện Quy chế của Bộ về đưa giảng viên đi thực tế, học sinh đi thực tập tại các cơ quan tư pháp địa phương; tiếp tục chú trọng cập nhật, đổi mới giáo trình, chương trình giảng dạy, bảo đảm phù hợp với những quy định mới của pháp luật và thực tiễn của đời sống xã hội. Bộ Tư pháp đã phê duyệt Đề án phát triển các Trường Trung cấp Luật (Quyết định số 3061/QĐ-BTP ngày 20/12/2018), làm cơ sở phát triển các trường đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.

Năm 2018, Trường Đại học Luật Hà Nội đã tuyển sinh và tổ chức nhập học cho **2.200** sinh viên chính quy, **800** sinh viên văn bằng 2 chính quy, **876** sinh viên hệ vừa học vừa làm, **04** nghiên cứu sinh và **489** học viên cao học, trong đó lần đầu tiên đã tổ chức được Lớp đào tạo Văn bằng 2 hệ chính quy (*100 học viên*) dành riêng cho cán bộ pháp chế các Bộ, ngành. Học viện Tư pháp có nhiều khởi sắc trong đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp, với tổng số **5.087** học viên được tuyển sinh mới trong năm 2018, vượt **33%** chỉ tiêu so với Kế hoạch; tổ chức bồi dưỡng cho **4.524** lượt học viên³⁵; đặc biệt, Học viện Tư pháp được Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đồng ý cho đào tạo và cấp bằng Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính và đã tổ chức khai giảng được 03 lớp với 262 học viên. Các Trường Trung cấp luật đã tổ chức tuyển sinh tổng số **940** học sinh chính quy, trong đó các trường Trung cấp luật Thái Nguyên, Trung cấp luật Đồng Hới và Trung cấp luật Vị Thanh đã tuyển sinh được cao hơn so với kế hoạch đề ra. Các Trường Trung cấp luật cũng đã tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền địa phương và các cơ sở đào tạo khác để mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, tuyển sinh hàng ngàn học sinh, học viên liên kết.

- *Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý*: Bộ Tư pháp triển khai **45** nhiệm vụ khoa học; 02 Dự án điều tra cơ bản và 03 nhiệm vụ môi trường, trong đó chú trọng nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng và thi hành pháp luật, bám sát nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số đạo luật do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo³⁶; đồng thời

³⁵ Gồm 1.593 lượt học viên là công chức, viên chức thuộc Bộ Tư pháp và 3.494 lượt học viên theo nhu cầu xã hội.

³⁶ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật...

bước đầu nhận diện những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với hệ thống pháp luật; các khía cạnh pháp lý của tiền ảo, tài sản ảo, Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam... Một số đề tài nghiên cứu trực tiếp phục vụ việc nâng cao hiệu quả theo dõi thi hành pháp luật, công tác kiểm tra VBQPPL, công tác THADS, công tác đào tạo cán bộ pháp luật, tăng cường năng lực quản trị của Bộ, Ngành Tư pháp đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Các đơn vị nghiên cứu trong Bộ đã hoàn thành việc bình luận khoa học Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự năm 2015, hoàn thành việc biên tập và xuất bản Bình luận khoa học Hiến pháp năm 2013, tạo công cụ thuận lợi cho công tác phổ biến và tổ chức thi hành Hiến pháp và các đạo luật lớn trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo của Bộ còn thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, bảo đảm gắn kết giữa nghiên cứu và đào tạo.

8.2. Tồn tại, hạn chế

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương gặp nhiều khó khăn, chưa bảo đảm sự thống nhất³⁷. Đội ngũ làm công tác tư pháp giảm ở cấp tỉnh, đặc biệt là cấp huyện và pháp chế chuyên trách ở Trung ương giảm mạnh (*cán bộ tư pháp cấp huyện giảm 239 người, tương đương giảm gần 7,4%; cán bộ pháp chế chuyên trách tại các cơ quan Trung ương giảm 130 người, tương đương giảm gần 9%, so với năm 2017*). Công chức Tư pháp - Hộ tịch tư pháp cấp xã thường xuyên biến động.

- Việc triển khai thực hiện Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật và Đề án xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp chưa đạt kết quả như mong muốn. Hoạt động của một số trường trung cấp luật tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn.

- Đề xuất, giải pháp đưa ra trong một số công trình nghiên cứu khoa học còn chưa sát với yêu cầu thực tiễn, chưa thể hiện được vai trò định hướng trong một số hoạt động của Bộ, Ngành, nhất là trong xây dựng chính sách pháp luật. Còn thiếu đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong công tác nghiên cứu khoa học.

9. Công tác kế hoạch, thống kê, ngân sách - tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản

9.1. Kết quả

- Thể chế nội bộ về công tác xây dựng kế hoạch và thể chế pháp luật về hoạt động thống kê đang được tích cực hoàn thiện. Việc xây dựng các kế hoạch công tác của Bộ, Ngành được quan tâm hơn, kịp thời cụ thể hoá các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước, Chính phủ giao, các nhiệm vụ trọng tâm công tác của Bộ, Ngành. Đặc biệt, Bộ Tư pháp đã chủ động tham gia vào việc xây dựng các kế hoạch, định hướng lớn của Trung ương, của Chính phủ để làm cơ sở cho việc xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác của Bộ, Ngành. Công tác thống kê trong Ngành tiếp tục có nhiều khởi sắc, tiến độ và chất lượng báo cáo được

³⁷ Như: số lượng, tên, việc ghép các lĩnh vực công việc vào các phòng thuộc Sở Tư pháp chưa thống nhất; có địa phương giải thể một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở trong khi đơn vị này còn đang hoạt động tốt và có khả năng tự chủ; có địa phương thực hiện sáp nhập Phòng Tư pháp vào các đơn vị khác.

nâng lên đáng kể, nhất là đối với khối Sở Tư pháp. Bộ Tư pháp đã tiến hành thí điểm Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp đến một số cơ quan tư pháp để hoàn thiện Phần mềm và đưa vào sử dụng thống nhất trong thời gian tới.

- Bộ đã triển khai nhiều giải pháp nhằm chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính, ngân sách theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan. Điều hành ngân sách được thực hiện linh hoạt, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các nhiệm vụ phát sinh của các đơn vị dự toán.

Bộ đã ban hành Kế hoạch triển khai và thực hiện nghiêm các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tập trung rà soát các dự án đầu tư xây dựng (tại các trường trung cấp luật và Hệ thống THADS), qua đó sắp xếp lại thứ tự ưu tiên thực hiện, bảo đảm hiệu quả cao nhất và thống nhất quy mô đầu tư cho các dự án sẽ khởi công mới năm 2019; Bộ cũng đã phối hợp với Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Bắc Ninh và các Bộ, ngành liên quan hoàn thành các thủ tục và khởi công xây dựng Cơ sở 2 của Đại học Luật Hà Nội tại Bắc Ninh. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của Hệ thống THADS tiếp tục được ưu tiên đầu tư, bảo đảm tốt điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức của Hệ thống.

9.2. Tồn tại, hạn chế

Quy chế mới về xây dựng kế hoạch của Bộ Tư pháp chậm được ban hành; việc xây dựng một số kế hoạch (như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Bộ Tư pháp năm 2019) chưa bảo đảm tiến độ so với yêu cầu. Hoạt động thống kê ở một số Bộ, ngành về công tác tư pháp, pháp chế còn chậm tiến độ³⁸. Một số dự án đầu tư xây dựng triển khai còn chậm; công tác giải ngân, thanh toán vốn đầu tư các dự án vẫn còn chậm, dồn nhiều vào những tháng cuối năm.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

10.1. Kết quả

- Được xác định là nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2018, Bộ Tư pháp và các địa phương đã chú trọng ban hành và triển khai các kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, nhất là công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hộ tịch, chứng thực, qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý những vi phạm. Bộ Tư pháp đã tiến hành 71 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất để giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong đó có nhiều cuộc thuộc chuyên ngành hỗ trợ tư pháp, hộ tịch, chứng thực. Đã ban hành 09 Quyết định thu hồi gần 1,6 tỷ đồng và ban hành 74 Quyết định xử phạt VPHC với tổng số tiền là 580.500.000 đồng. Thanh tra các Sở Tư pháp đã tiến hành 588 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 1.151 tổ chức, qua đó đã ban hành 227 Quyết định xử phạt VPHC với tổng số tiền là 1.411.500.000 đồng. Nhiều Sở Tư pháp đã chỉ đạo quyết liệt công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (như: Hà Nội đã tổ chức 07 đợt thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm đối với 03 tổ chức và 07 cá nhân; thành phố Hồ Chí

³⁸ Như các Bộ: Công thương, Ngoại giao, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường.

Minh đã tổ chức 27 cuộc thanh tra chuyên ngành, ban hành 22 Quyết định xử phạt VPHC, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm về hoạt động “công chứng giả” của Công ty Sao Bắc Đẩu; Thanh Hóa tổ chức 15 cuộc thanh tra, xử phạt 11 tổ chức và 10 cá nhân sai phạm...).

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tiếp tục được thực hiện thường xuyên, đúng quy định và tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiếp công dân, tập trung giải quyết các vụ việc phức tạp, kéo dài. Trong năm, Bộ Tư pháp tiếp tục công bố công khai lịch tiếp công dân theo quy định; đã tiếp 306 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo (giảm 82 lượt so với năm 2017), trong đó, Bộ trưởng, các Thứ trưởng đã tiếp 14 lượt công dân. Thanh tra các Sở Tư pháp đã tiếp 821 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo. Một số Sở Tư pháp đã tiếp số lượng công dân lớn như: Hà Nội (183 lượt); Bắc Giang (90); thành phố Hồ Chí Minh (51); Một số Sở không có công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh như: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Lạng Sơn.

Bộ Tư pháp đã tiếp nhận, xử lý 2.013 đơn khiếu nại, tố cáo (giảm 3,7% so với năm 2017), trong đó có 983 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết (riêng lĩnh vực THADS có 733 đơn, chiếm hơn 74%). Thanh tra các Sở Tư pháp đã tiếp nhận 1.689 đơn, trong đó có 160 đơn thuộc thẩm quyền.

10.2. Tồn tại, hạn chế

So với yêu cầu đặt ra của các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, Ngành, nhất là với sự phát triển của các dịch vụ công thuộc lĩnh vực tư pháp, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra của Ngành còn khiêm tốn; việc kiểm tra sau thanh tra chưa được chú trọng nhiều.

Trong một số trường hợp, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa triệt để, chưa bảo đảm về tiến độ. Việc xử lý các yêu cầu, phản ánh của người dân thông qua các buổi tiếp công dân còn chưa kịp thời.

11. Công tác thi đua, khen thưởng

11.1. Kết quả

Thế chế về công tác thi đua, khen thưởng của Ngành tiếp tục được hoàn thiện. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành 02 Thông tư³⁹; ban hành và tổ chức thực hiện sớm các Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua, xếp hạng, tạo thuận lợi cho các Sở Tư pháp, Cục THADS và tạo sự lan toả lớn trong Ngành⁴⁰. Các phong trào thi đua được phát động, tổ chức thực hiện tương đối bài bản, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của Bộ, Ngành, của cơ quan, đơn vị. Trong năm, Bộ đã phát động, tổ chức tốt 02 đợt thi đua đặc biệt là: (1) Đợt thi đua lập

³⁹ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp (thay thế Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14/10/2015) và Thông tư số 06/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”.

⁴⁰ Như tỉnh Đồng Tháp ban hành và thực hiện Bảng tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn Tỉnh năm 2018.

thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948–11/6/2018) và (2) Đợt thi đua hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2018 gắn với tổng kết, biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong 05 năm thực hiện Ngày Pháp luật trên toàn quốc. Bên cạnh đó, hoạt động của các Cụm, Khu vực thi đua trong toàn Ngành tiếp tục được duy trì hiệu quả.

Công tác khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, đã kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Năm 2018, Bộ đã rà soát, thẩm định gần 3.200 hồ sơ đề nghị khen thưởng; Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho nhiều tập thể và cá nhân trong Ngành.

11.2. Tồn tại, hạn chế

Một số phong trào thi đua còn mang tính hình thức; một số tiêu chí thi đua, xếp hạng các Sở Tư pháp vẫn còn nặng về định tính; chưa ban hành được tiêu chí đánh giá các đơn vị thuộc Bộ. Hồ sơ đề nghị khen thưởng, có trường hợp, còn chưa bảo đảm đầy đủ các nội dung, thành phần và thời hạn theo yêu cầu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Trong năm 2018, Bộ, ngành Tư pháp đã chủ động, khẩn trương triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát Chương trình, Kế hoạch công tác, các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương. Công tác chỉ đạo điều hành tiếp tục được thực hiện quyết liệt, ngày càng đi vào chiều sâu, phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế để triển khai công việc. Toàn Ngành thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đã đề ra từ đầu năm và hoàn thành bảo đảm chất lượng, tiến độ nhiều nhiệm vụ phát sinh thêm, nhất là các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; phản ứng kịp thời, hiệu quả đối với những vấn đề “nóng”, ngày càng tham gia sâu vào các vấn đề pháp lý đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành được đẩy mạnh, các chỉ số xếp hạng về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ tiếp tục được cải thiện. Chất lượng hồ sơ các dự án luật, pháp lệnh và chất lượng công tác thẩm định có nhiều cải thiện; nợ đọng văn bản quy định chi tiết giảm so với năm trước. Công tác PBGDPL xuất hiện một số mô hình hay, hiệu quả. Thi hành án dân sự tiếp tục đạt kết quả cao, thi hành án hành chính dần đi vào nề nếp. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đang phát triển khá nhanh; đã giải quyết được số lượng lớn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực hành chính tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, gắn với việc hiện đại hoá, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Việc xã hội hoá các nghề tư pháp được thực hiện thận trọng, hiệu quả hơn, chất lượng hành nghề được cải thiện, quy trình cấp phép dần được chuẩn hoá. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương từng bước được kiện toàn, chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Việc giải quyết tranh chấp đầu tư đạt nhiều kết quả cụ thể; hợp tác quốc tế về pháp luật tiếp tục tạo được những dấu ấn

quan trọng, nhất là trong quan hệ với các nước láng giềng. Một số lĩnh vực công việc khác cũng được triển khai hiệu quả, bám sát chương trình, kế hoạch đã đề ra.

2. Bên cạnh các kết quả nêu trên, công tác tư pháp, pháp chế vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Tính khả thi của không ít quy định trong hệ thống pháp luật còn thấp, việc bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật còn là thách thức lớn; tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết chưa được khắc phục triệt để (*còn nợ 04 văn bản*). Trong THADS, lượng án chuyên kỳ sau vẫn còn nhiều; còn có một số vi phạm của Chấp hành viên, công chức thi hành án trong thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án; vẫn còn nhiều cơ quan, cá nhân chưa chấp hành nghiêm các bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực về vụ việc hành chính (*còn 224 vụ việc chưa thi hành xong*). Việc giải quyết thủ tục hành chính trong công tác hộ tịch, chứng thực, lý lịch tư pháp vẫn còn có sai sót, tiêu cực ở cơ sở; tồn đọng thông tin LLTP chưa được giải quyết dứt điểm. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp ở một số địa phương chưa chặt chẽ, có việc còn lúng túng. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp ở địa phương chưa thống nhất. Công tác pháp chế ở nhiều địa phương chưa phát huy tốt vai trò. Ứng dụng công nghệ thông tin trong một số lĩnh vực của Bộ, Ngành chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Về khách quan

- Khối lượng công việc được giao cho Bộ, ngành Tư pháp thực hiện tiếp tục tăng, trong đó có rất nhiều việc cụ thể được giao thêm ngoài kế hoạch như tham gia ý kiến pháp lý đối với nhiều vụ việc khó, phức tạp, thậm chí có việc không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ngành; yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc tiếp tục tạo áp lực lớn cho đội ngũ cán bộ của Ngành, nhất là trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật, hộ tịch, thi hành án dân sự.

- Thể chế pháp luật trong một số lĩnh vực chưa được quy định cụ thể, thống nhất, còn vướng mắc, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng vẫn đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện, gây khó khăn cho các Bộ, ngành, địa phương trong thống nhất thực hiện nhiệm vụ, như: Lĩnh vực quản lý XLVPHC (phát sinh nhiều vướng mắc của Luật XLVPHC, quy định xử phạt VPHC trong một số lĩnh vực không phù hợp thực tiễn); lĩnh vực thi hành án hành chính (chưa có những cơ chế cụ thể, đủ mạnh để thực hiện những biện pháp cưỡng chế thi hành án hành chính đối với người phải thi hành án); lĩnh vực quốc tịch (liên quan đến trường hợp xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam và xin giữ quốc tịch nước ngoài); Nghị định mới về hoạt động Thừa phát lại tuy đã trình từ lâu, nhưng đến nay vẫn chưa được ban hành; việc kiện toàn cơ quan tư pháp ở địa phương vẫn còn phải chờ quy định của các Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ...

- Đội ngũ công chức ở các cơ quan tư pháp, thi hành án dân sự của Bộ, Ngành còn thiếu nhiều và đang có xu hướng giảm; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa đồng đều, có trường hợp chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ pháp chế còn rất mỏng, kiêm nhiệm nhiều việc; còn tình trạng một số địa phương sử dụng biên chế pháp chế để tuyển dụng cho những vị trí việc làm khác; tỷ lệ cán bộ pháp chế ở các địa phương chưa có trình độ cử nhân luật vẫn còn cao. Đội ngũ công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã thường xuyên biến động, khó bảo đảm sự ổn định, chất lượng chuyên môn.

- Điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện nhiệm vụ trong một số lĩnh vực, nhất là phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, theo dõi thi hành pháp luật, còn rất hạn chế, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Về chủ quan

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ tư pháp về vị trí, vai trò của cơ quan tư pháp trong giai đoạn phát triển mới chưa theo kịp yêu cầu. Ở một số cơ quan, đơn vị, vẫn còn tình trạng chưa chủ động, chậm triển khai công việc; chất lượng tham mưu có việc chưa đạt yêu cầu. Một số Bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm nhiều đến công tác tư pháp, pháp chế để bố trí nguồn lực bảo đảm cho các công tác này.

- Mặc dù đã có chuyển biến nhưng công tác phối hợp giữa các Bộ, Sở, ngành với nhau, giữa Trung ương và địa phương, trong một số trường hợp, chưa được thực hiện đầy đủ, chưa hiệu quả đã ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ công việc, nhất là trong xây dựng, góp ý văn bản; theo dõi thi hành pháp luật; quản lý luật sư, giám định tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Công tác kiểm tra, thanh tra chưa được chú trọng đúng mức, nhất là ở một số Sở Tư pháp; không kịp thời phát hiện sai sót để chấn chỉnh, xử lý, nhất là trong các lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản, hộ tịch, chứng thực.

- Trong công tác THADS, bên cạnh các nguyên nhân như đã nêu trên, còn có nguyên nhân từ số việc và tiền thụ lý tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước (tăng 5,04% về việc và 13,32% về tiền). Các vụ án liên quan đến tín dụng, ngân hàng, tham nhũng, kinh tế có giá trị phải thi hành rất lớn (chiếm 62,1% tổng số tiền phải thi hành), trong khi việc thẩm định giá tài sản thế chấp trước khi cho vay cao hơn nhiều lần so với giá thẩm định khi kê biên đấu giá nên rất khó thi hành, phát sinh nhiều khiếu nại, tranh chấp hoặc đấu giá nhiều lần nhưng không có người mua, gây khó khăn trong quá trình THADS.

Phần thứ hai:

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2019

Năm 2019 là năm tăng tốc, bứt phá để hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và định hướng công tác nhiệm kỳ của Bộ, ngành Tư pháp, với nhiều cơ hội và cả những khó khăn, thách thức đối với công tác pháp luật, tư pháp. Các nghị quyết của Đảng; Nghị quyết số 69/2018/QH14 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP năm 2019 và các chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã xác định nhiều nhiệm vụ trực tiếp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ và ngành Tư pháp. Trong bối cảnh đó, bám sát phương châm hành động của Chính phủ "*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả*", toàn ngành Tư pháp xác định phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp công tác như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phương hướng

1.1. Tham mưu thể chế hoá kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng; tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, gắn với định hướng, mục tiêu xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phục vụ hội nhập quốc tế sâu, rộng.

1.2. Chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, gắn với tổ chức thi hành pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống. Chủ động, kịp thời phản ứng chính sách đối với những vấn đề đặt ra từ thực tiễn đời sống xã hội của đất nước và của từng địa phương.

1.3. Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp và pháp chế, trong đó tập trung vào những lĩnh vực trực tiếp gắn liền với người dân, doanh nghiệp như THADS, hộ tịch, chứng thực, lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước, trợ giúp pháp lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật; tiếp tục chuẩn hóa quy trình và nâng cao chất lượng các dịch vụ công do Bộ, ngành Tư pháp quản lý.

1.4. Kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính thông qua hoạt động thẩm định các đề nghị xây dựng và các dự thảo VBQPPL. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, Ngành. Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng các mặt công tác, đưa các lĩnh vực công tác tư pháp thực sự đến gần, thân thiện với người dân, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân.

1.5. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại bộ máy cơ quan tư pháp các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế gắn

với cơ cấu lại và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn Ngành.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Triển khai tích cực Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2019. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác xây dựng, thẩm định văn bản pháp luật, bảo đảm tính ổn định, khả thi của văn bản, cân trọng trước những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, việc tổ chức thi hành Hiến pháp để báo cáo Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình cấp có thẩm quyền.

Tập trung nguồn lực xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp và Luật Giám định tư pháp, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.2. Chủ động triển khai các luật, nghị quyết của Quốc hội mới ban hành; xây dựng, theo dõi đôn đốc và ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm với luật, nghị quyết. Thực hiện hiệu quả Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Chú trọng công tác theo dõi thi hành pháp luật gắn với thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý văn bản, nhất là những văn bản có tác động trực tiếp, rộng rãi đến người dân và doanh nghiệp; đề xuất và thực hiện các giải pháp giảm thiểu tình trạng ban hành văn bản trái pháp luật. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 và đánh giá 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

2.3. Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự; theo dõi thi hành án hành chính. Tập trung thi hành dứt điểm các vụ án dân sự trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài, các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong kê biên, phong tỏa tài khoản, truy tìm tài sản bảo đảm cho công tác thi hành án, nhất là trong các vụ việc kinh tế, tham nhũng. Chủ động kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng thi hành án dân sự tại các địa phương, nhất là hoạt động bán đấu giá tài sản thi hành án. Từng bước nghiên cứu đề xuất việc mở rộng nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ngành Tư pháp đối với công tác thi hành án nói chung.

2.4. Thực hiện các giải pháp phát triển các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo hướng bảo đảm hài hòa giữa xã hội hóa và công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực này; xây dựng các tổ chức tự chủ làm đầu tàu về chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản. Chuẩn hóa và quản lý chặt chẽ việc cấp chứng chỉ hành nghề hỗ trợ tư pháp; chú trọng thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động hành nghề. Chuẩn bị kỹ và tổ chức thành công Đại hội công chứng toàn quốc lần

thứ nhất. Tổ chức nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư; chỉ đạo tổ chức đại hội các Đoàn luật sư, chuẩn bị cho Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ ba.

2.5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và giải quyết tốt các yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực hành chính tư pháp. Tập trung nguồn lực xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2021. Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và thực hiện các giải pháp để xử lý các vấn đề phát sinh trong công tác quốc tịch bảo đảm phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước và yêu cầu an ninh chính trị trong tình hình mới. Giải quyết cơ bản tình trạng tồn đọng thông tin lý lịch tư pháp.

2.6. Tập trung kiện toàn các cơ quan tư pháp địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Trung ương 6 khóa XII và các yêu cầu của Chính phủ bảo đảm thống nhất, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, Danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị thuộc Bộ; tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2.7. Tập trung bảo vệ thành công Báo cáo Quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và tổ chức triển khai thực hiện tốt các khuyến nghị của Ủy ban Công ước. Thực hiện tốt các giải pháp chủ động phòng ngừa và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Chú trọng công tác quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật, đưa các quan hệ hợp tác đã thiết lập được phát triển theo chiều sâu, đặc biệt là các đối tác truyền thống, các nước láng giềng; triển khai hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế hỗ trợ bảo đảm thiết thực cho công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện thể chế của Bộ, ngành.

2.8. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý điều hành, mở rộng việc sử dụng chữ ký số. Thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông về các hoạt động của Bộ, Ngành. Thực hiện nghiêm chủ trương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; thực hiện các giải pháp chăm lo đời sống cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL. Tổ chức tốt việc đánh giá 5 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013. Tham mưu cho Ban cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị tổ chức

tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, đồng thời nghiên cứu, đề xuất việc hoàn thiện hệ thống pháp luật sau năm 2020 bảo đảm tiếp tục thể chế hóa quy định của Hiến pháp, các quan điểm, định hướng của Đảng và các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018. Lập Đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Thực hiện rà soát, đề xuất hoàn thiện pháp luật phục vụ triển khai các Hiệp định thương mại mới được ký kết, phê chuẩn. Các Bộ, ngành tập trung xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm với luật, pháp lệnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định đề nghị xây dựng, dự thảo VBQPPL, trong đó chú trọng tới tính dự báo của chính sách, bảo đảm tính khả thi để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra và kiểm tra VBQPPL theo thẩm quyền. Tăng cường việc đôn đốc, theo dõi việc xử lý các văn bản trái pháp luật; kiến nghị xử lý trách nhiệm khi ban hành, tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tốt việc thông tin, tuyên truyền để giúp nhân dân và dư luận xã hội hiểu đúng về kết quả kiểm tra văn bản QPPL, tránh gây tác động xã hội tiêu cực. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2 (2014 - 2018) đảm bảo đúng chất lượng, tiến độ đề ra. Thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng các đề mục của Bộ pháp điển; tuyên truyền rộng rãi để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng hiệu quả Bộ pháp điển.

2. Công tác thi hành án dân sự

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật liên quan đến THADS, THAHC, trong đó tập trung sơ kết việc thi hành Luật THADS (sửa đổi, bổ sung năm 2014); nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2015/NĐ-CP; nghiên cứu, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Nghị quyết số 42/2017/QH14; trình Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả Đề án giải quyết việc THADS không có điều kiện thi hành đã tồn đọng trong nhiều năm; ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư số 08/2015/TT-BTP về thống kê trong THADS; ban hành Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức thi hành án, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ THADS, THAHC được giao theo Nghị quyết số 111/2015/QH13 của Quốc hội, Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2019 của Bộ Tư pháp, nhất là các chỉ tiêu về xác minh phân loại án, chỉ tiêu về việc, tiền. chủ động thi hành án các vụ án lớn liên quan đến thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế; giải quyết có hiệu quả các khoản nợ của tổ chức tín dụng; các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thi hành án hành chính, bảo đảm theo dõi đối với 100% bản án, quyết định của Tòa án về vụ án

hành chính có nội dung theo dõi; đề xuất xử lý nghiêm trách nhiệm đối với các trường hợp không chấp hành án hành chính, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, nhất là Chủ tịch UBND các cấp trong thi hành án hành chính.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong THADS từ trung ương đến địa phương; tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và các ban, bộ, ngành liên quan trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong THADS. Tổ chức sơ kết, tổng kết các văn bản phối hợp liên ngành để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh; tiếp tục rà soát, đề xuất văn bản phối hợp với một số Bộ, ngành liên quan. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong toàn Hệ thống; tiếp tục cải tiến công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ theo hướng kịp thời, sâu sát, cụ thể; kiên quyết khắc phục và xử lý nghiêm các trường hợp chậm trả lời hoặc chấp hành không đúng ý kiến chỉ đạo của cấp trên.

- Phát huy tính chủ động, kịp thời trong công tác cán bộ THADS, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt; chuẩn bị phương án bố trí hợp lý đối với những cán bộ luân chuyển trong Hệ thống.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, rút ngắn thời gian thi hành án. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ trực tuyến thi hành án. Thực hiện nghiêm chế độ sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số; tăng cường giao ban trực tuyến, sử dụng tin nhắn SMS. Nghiên cứu phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong Hệ thống THADS.

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; báo chí, xuất bản

- Tổ chức tổng kết thực tiễn, đánh giá tồn tại, hạn chế của công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở qua 05 năm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Hòa giải ở cơ sở, đề xuất tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao hiệu quả các công tác này trong thời gian tới; đánh giá 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Tiếp tục triển khai Chương trình PBGDPL ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-TTg, các chương trình phối hợp, các đề án về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở.

- Tập trung tuyên truyền, phổ biến các Luật, Pháp lệnh mới được Quốc hội thông qua năm 2018 và năm 2019 và các chính sách pháp luật quan trọng đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện; triển khai công tác PBGDPL gắn với các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước và từng địa phương, nội dung các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế liên quan đến người dân, doanh nghiệp và những vấn đề dư luận xã hội quan tâm. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL trong nhà trường; chú trọng PBGDPL cho đối tượng đặc thù; triển khai hiệu quả các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2019.

- Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn mạng lưới Tổ hòa giải và đội ngũ hòa giải viên gắn với tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực, phát huy đầy đủ vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2018-2021 sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành; xây dựng, vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Tủ sách pháp luật; tiếp tục tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến cho người dân theo chủ đề thiết thực; tận dụng phù hợp mạng xã hội để PBGDPL.

- Tiếp tục cải tiến về nội dung và hình thức của các ấn phẩm báo chí, xuất bản, chủ động mở thêm các chuyên mục, chuyên trang điện tử; bám sát các sự kiện chính trị - pháp lý của đất nước, các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành; phục vụ tốt nhu cầu của bạn đọc. Thông tin kịp thời, chính xác về các hoạt động của Bộ, Ngành thông qua các cuộc họp báo, Thông cáo báo chí; chủ động nắm bắt thông tin qua phản ánh của các cá nhân, tổ chức và thông tin phản ánh từ báo chí để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

4. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác quản lý XLVPHC, TDTHPL, đặc biệt là khẩn trương xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC; Nghị định quy định về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về XLVPHC; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về TDTHPL. Triển khai Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 – 2022”. Tiếp tục chú trọng công tác TDTHPL, tập trung vào các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành (*lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động*) và lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp năm 2019 (*về hòa giải ở cơ sở và kiểm tra VBQPPL*).

5. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước

- Hoàn thiện thể chế và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc để triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành, Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 – 2024. Tập trung xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch, nhất là nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, Phần mềm đăng

ký, quản lý hộ tịch dùng chung và tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng Phần mềm trong toàn quốc.

- Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 (thay thế Nghị định số 78/2009/NĐ-CP) sau khi được Chính phủ ban hành. Tiến hành tổng kết việc thực hiện giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch cho người di cư Lào theo Đề án Thỏa thuận giữa hai nước; chú trọng thực hiện tốt Tiêu đề án “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ khẩu, hộ tịch và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước”.

- Nghiên cứu và đề xuất hoàn thiện thể chế pháp luật về chứng thực; đẩy mạnh việc tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác chứng thực tại địa phương, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- Triển khai hiệu quả Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi sau khi được Chính phủ ban hành. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới; Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp – Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về giải quyết việc nuôi con nuôi. Tăng cường công tác nuôi con nuôi trong nước.

- Triển khai hiệu quả Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thí điểm thực hiện phương thức cấp Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến sau khi được phê duyệt. Tập trung xây dựng và triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP; tiếp tục triển khai tốt Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG ngày 29/6/2018 giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Cục hồ sơ nghiệp vụ phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP; giải quyết triệt để tình trạng chậm thời hạn cấp Phiếu LLTP tại địa phương. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin LLTP để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP. Triển khai thí điểm dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về cấp Phiếu LLTP tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và một số Sở Tư pháp.

- Tổ chức tổng kết thi hành Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP và nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm. Tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực ĐKGDBĐ, phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; phấn đấu tăng tỷ lệ đăng ký trực tuyến tại các Trung tâm Đăng ký.

- Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; chú trọng kiểm tra liên ngành về công tác triển khai thi hành Luật. Tăng cường phối hợp giữa các ngành tư pháp, toà án, kiểm sát, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường, trong đó chú

trọng phối hợp để tập trung giải quyết các vụ việc tồn đọng, kéo dài đã thụ lý theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 hoặc thống nhất nội dung trả lời đối với các đơn, thư kéo dài có liên quan đến yêu cầu bồi thường. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

6. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trong đó tập trung xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; đề xuất xây dựng 01 Luật sửa các Luật liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; hoàn thiện dự thảo Nghị định mới về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại để trình Chính phủ ban hành.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các văn bản, đề án quan trọng trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (Luật đấu giá tài sản, Luật công chứng, Luật luật sư...). Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp; phát huy vai trò tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực luật sư, công chứng, đấu giá. Các Sở Tư pháp tiếp tục chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ Đoàn luật sư, tiến tới tổ chức Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ ba. Chú trọng tổ chức các Đoàn thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý vi phạm trong lĩnh vực này.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, trong đó tập trung thực hiện TGPL trong các vụ án; nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, năng lực của đội ngũ người thực hiện TGPL. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 – 2025 và tổ chức sơ kết thực hiện Đề án này. Chú trọng việc hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động TGPL tại các địa phương. Tăng cường hoạt động truyền thông về TGPL.

- Triển khai hiệu quả Nghị định mới về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi được Chính phủ ban hành. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020, bảo đảm trọng tâm, hiệu quả, thiết thực cho doanh nghiệp; đồng thời chủ động nghiên cứu định hướng các hoạt động của Chương trình sau năm 2020.

7. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật

- Nâng cao chất lượng và kịp thời thẩm định, góp ý các điều ước, thoả thuận quốc tế. Chủ động tham mưu giúp Chính phủ xử lý kịp thời các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế, đàm phán, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế. Xử lý kịp thời các hồ sơ uỷ thác tư pháp về dân sự. Thực hiện tốt nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành bảo vệ Báo cáo quốc gia ICCPR theo yêu cầu của Ủy ban Công ước.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế; chú trọng việc bồi dưỡng kiến

thức, kỹ năng pháp luật quốc tế và phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cho các Bộ, ngành, địa phương và công chức của Bộ Tư pháp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hợp tác quốc tế về pháp luật; tập trung phát triển cơ sở dữ liệu hợp tác quốc tế về pháp luật, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và chia sẻ kết quả hợp tác. Thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế trên cả ba bình diện song phương, khu vực và toàn cầu, phù hợp với định hướng tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế về pháp luật của Bộ Tư pháp giai đoạn 2017-2021, trong đó chú trọng đưa các quan hệ hợp tác đã thiết lập phát triển theo chiều sâu và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống, nhất là với các nước láng giềng. Chủ động, tích cực trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đề cao hiệu quả quản lý, thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án hợp tác pháp luật.

8. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học pháp lý

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của các cơ quan tư pháp địa phương sau khi Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV được ban hành; kiện toàn tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo đúng Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, Danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Tư pháp khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch của Bộ Tư pháp triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, ngành Tư pháp theo yêu cầu khung năng lực vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, hướng đến việc giải quyết căn bản mâu thuẫn giữa khối lượng công việc và số lượng biên chế được giao. Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ tình hình cụ thể để sắp xếp, bố trí, ổn định đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế, bảo đảm đủ về số lượng, có trình độ, chất lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công việc.

- Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ công chức, viên chức Bộ Tư pháp chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Tích cực thực hiện các Đề án, Kế hoạch, Quy hoạch đã được phê duyệt trong công tác đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện thí điểm đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến. Tăng tốc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án tổng thể "Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật" và Đề án "Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh Tư pháp". Đẩy mạnh thực hiện *Đề án phát triển các Trường Trung cấp Luật* theo Quyết định số 3061/QĐ-BTP ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Tiếp tục nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước; phục vụ tổng kết 15 năm triển khai Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống

pháp luật, Chiến lược cải cách tư pháp. Chuẩn bị tốt nội dung và các điều kiện cần thiết để tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp Quốc gia “*Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam*”. Huy động sự tham gia tích cực, hiệu quả của đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học giàu kinh nghiệm và đông đảo công chức, viên chức, nhất là cán bộ tư pháp ở địa phương, tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học pháp lý; phát huy hiệu quả vai trò của Hội đồng khoa học Bộ Tư pháp.

9. Công tác kế hoạch, thống kê, ngân sách - tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản

- Khắc phục tình trạng chậm ban hành một số kế hoạch công tác, đồng thời đơn giản hoá quy trình, nâng cao chất lượng xây dựng các kế hoạch công tác của Bộ, Ngành. Triển khai hiệu quả Thông tư thay thế Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp; tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo thống kê và hiệu quả sử dụng số liệu thống kê trong từng lĩnh vực công tác tư pháp, nhất là việc thống kê ở các Bộ, ngành liên quan đến công tác tư pháp.

- Thực hiện tốt việc quản lý ngân sách - tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định, bảo đảm đáp ứng tốt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành. Xây dựng tốt kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022. Tăng cường công tác kiểm tra trên các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản. Tiếp tục tổ chức triển khai tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Phát huy vai trò quan trọng của hoạt động thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý và phòng ngừa vi phạm trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành Tư pháp; chú trọng công tác thanh tra chuyên ngành trong công tác hỗ trợ tư pháp, hộ tịch, chứng thực. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết đúng thời hạn, có chất lượng các vụ việc khiếu nại, tố cáo, trong đó phần đầu đạt mục tiêu giải quyết dứt điểm 100% các vụ việc từ năm 2018 chuyển sang và phần đầu giải quyết trên 85% các vụ việc mới phát sinh trong năm 2019. Đặc biệt chú trọng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

11. Công tác cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 (kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Thực hiện hiệu quả đánh giá thủ tục hành chính trong các dự thảo VBQPPL; đẩy mạnh các hoạt động kiểm soát TTHC nội bộ của Bộ, ngành Tư pháp; tiếp tục thực thi các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính theo lộ trình quy định tại Nghị quyết

số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ; các phương án cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

- Chú trọng các nhiệm vụ ứng dụng CNTT theo yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử; Xây dựng, nâng cấp, triển khai và duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng; ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành trong các lĩnh vực Thi hành án dân sự, Hộ tịch. Duy trì hoạt động hiệu quả của Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp; Cổng thông tin điện tử pháp điển; Cổng thông tin điện tử Tổng cục THADS. Mở rộng Hệ thống Hội nghị trực tuyến đến các Chi cục Thi hành án dân sự trên toàn quốc; sử dụng, khai thác hiệu quả Hệ thống hội nghị trực tuyến phục vụ các cuộc họp của Bộ với cơ quan tư pháp địa phương. Đồng thời, chú trọng phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống công nghệ thông tin của Bộ, Ngành.

12. Công tác thi đua, khen thưởng

Khắc phục tính hình thức trong thực hiện một số phong trào thi đua. Tiếp tục ban hành sớm các tiêu chí thi đua, xếp hạng các Sở Tư pháp, Cục THADS và ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ năm 2019. Tổ chức có hiệu quả, thiết thực các phong trào thi đua do Bộ, Ngành phát động; chủ động chuẩn bị tổ chức phong trào thi đua đặc biệt hướng tới kỷ niệm 75 Ngày truyền thống ngành Tư pháp và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ V.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2019, Bộ, ngành Tư pháp xác định một số giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, bám sát với phương châm hành động của Chính phủ năm 2019, trong đó chú trọng xây dựng sớm các chương trình, kế hoạch công tác để cụ thể hóa nhiệm vụ, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương; tổ chức triển khai hiệu quả Quy chế mới của Bộ Tư pháp về xây dựng kế hoạch công tác. Chỉ đạo quyết liệt thực hiện các kế hoạch công tác ngay từ đầu năm. Khắc phục ngay tình trạng chậm hướng dẫn hoặc hướng dẫn không sát thực tiễn đối với các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực hoàn thiện thể chế liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ngành. Kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản nhằm tháo gỡ những “nút thắt”, những quy định còn có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, Ngành.

3. Chủ động báo cáo, thông tin, phối hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, ngành và cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác tư pháp, pháp chế từ Trung ương đến địa phương. Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong công

tác. Tiếp tục thực hiện các phương án đơn giản hoá chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của Bộ, Ngành.


4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương công tác; đổi mới lề lối làm việc; tiếp tục cắt giảm và kết hợp một cách hợp lý số lượng các cuộc họp, các chuyên công tác địa phương. Phát huy hiệu quả các công cụ quản lý kiểm tra, thanh tra; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, các vi phạm trong khi giải quyết yêu cầu của người dân, nhất là trong các lĩnh vực THADS, công chứng, đấu giá tài sản, hộ tịch, LLTP.

5. Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Chú trọng phát động, kiểm tra, đánh giá các phong trào thi đua; tiếp tục đổi mới cách làm trong việc xây dựng các tiêu chí, đánh giá xếp hạng các Sở Tư pháp, Cục THADS, bảo đảm sát với thực tế, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị và tăng cường trao đổi thông tin trong việc thực hiện xếp hạng; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Tiêu chí đánh giá các đơn vị thuộc Bộ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2019. Bộ, ngành Tư pháp mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các Bộ, ngành và cấp uỷ, chính quyền các cấp để đưa công tác tư pháp tiếp tục phát triển bền vững, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương. ✓

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgTTCP Trương Hoà Bình (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, STP, Cục THADS các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP (TH).


Lê Thành Long